

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN



NĂM 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2019



NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

06

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 07 Thông tin khái quát
- 08 Lĩnh vực hoạt động
- 09 Lịch sử hình thành và phát triển
- 15 Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức
- 17 Rủi ro
- 19 Mục tiêu và định hướng phát triển

21

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 22 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 23 Tổ chức và nhân sự
- 39 Tình hình tài chính
- 40 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 43 Thông tin cổ phiếu và cổ đông RTB

45

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 46 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 48 Tình hình tài chính
- 49 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- 53 Kế hoạch phát triển tương lai

54

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 55 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- 57 Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- 57 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

60 QUẢN TRỊ CÔNG TY

71 QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

74 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

THÔNG DIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kinh tế Việt Nam năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, mối quan hệ căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung tiếp tục leo thang, ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Nhìn chung, mức độ tăng trưởng vẫn còn mạnh mẽ ở các nền kinh tế phát triển, nhưng đã chậm lại ở nhiều nước. Bên cạnh những thuận lợi thì kinh tế vĩ mô còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tiếp tục bị ảnh hưởng mạnh do chi phí đầu vào tăng cao, thị trường thu hẹp, hàng tồn kho lớn, lãi suất cao gây khó khăn cho sản xuất của doanh nghiệp.

Giá cao su thế giới không ổn định trong năm 2019 trong bối cảnh chịu áp lực tiêu thụ giảm ở 02 nước nhập khẩu cao su thiên nhiên lớn trên thế giới là Trung Quốc và Ấn Độ do thị trường bị ảnh hưởng bởi tình trạng dư thừa sản lượng. Tính đến cuối năm 2019, Tổng diện tích vườn cây cao su ở nước ta đạt 946.200 ha, giảm 1,6% so với năm 2018. Sản lượng đạt 1.173.100 tấn, tăng 3,1% so với năm 2018, là nước sản xuất cao su thiên nhiên đứng thứ 3 thế giới sau Thái Lan và Indonesia. Trong năm 2019, cả nước xuất khẩu cao su thiên nhiên đạt hơn 1,7 triệu tấn, với giá trị 2,3 tỷ USD, đơn giá xuất khẩu bình quân 1.353 USD/tấn. So với năm 2018, xuất khẩu cao su thiên nhiên tăng 8,9% về sản lượng, tăng 10% về giá trị. Sự gia tăng lượng xuất khẩu cao su thiên nhiên của Việt Nam trong năm qua có sự đóng góp không nhỏ từ nguồn cao su nhập khẩu từ Lào, Campuchia.

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 trong điều kiện khó khăn và nhiều thách thức:

Bệnh phấn trắng phát triển trên vườn cây kinh doanh với tỉ lệ bệnh 89,68%, chỉ số bệnh 49,07%. Vào đầu mùa khai thác mủ (tháng 5, 6) nắng hạn kéo dài, lượng mưa thấp nên vườn cây khai thác bị sụt giảm sản lượng do ẩm độ đất thấp. Đặc biệt, tại các nơi đất đồi, sỏi phún nhiều thì sản lượng sụt giảm vào 03 tháng cuối năm do lượng mưa ít.

Vườn cây của Công ty đa số diện tích đang thời kỳ già cỗi, miệng cao cao, cao đến cành nhánh, suy giảm năng suất. Diện tích vườn cây nhóm 2 chiếm 60,51% (vườn cây nhóm II ở tuổi cao >15 trở đi), nhóm 3 và tận thu chiếm 39,49%, nên ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện kế hoạch sản lượng năm 2019.

Trong bối cảnh đó, dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực vượt bậc, quyết tâm cao của toàn thể người lao động, Công ty đã chung sức, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019, tục xây dựng RTB ngày càng lớn mạnh và vững bước trên con đường phát triển của mình.

Năm 2019, với sự nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục đà chuyển biến tích cực, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng GDP. Việc thực hiện thành công mục tiêu trên đã tạo thêm dư địa để thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong các năm tiếp theo. Tuy vậy, năm 2020 được dự báo sẽ có rất nhiều khó khăn, diễn biến khó lường đối với nền kinh tế, và cũng là thách thức cho các doanh nghiệp. Hoạt động thương mại quốc tế chịu ảnh hưởng bởi căng thẳng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, đặc biệt là dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, ngày càng nghiêm trọng, khó lường trên phạm vi toàn cầu, số lượng người mắc, tử vong tăng nhanh và chưa có dấu hiệu dừng lại đã làm ảnh hưởng đến Trung Quốc – quốc gia tiêu thụ cao su thiên nhiên số 1 thế giới, làm sụt giảm gần ¼ sản lượng tiêu thụ cao su trên toàn cầu, từ đó ảnh hưởng đến triển vọng phát triển của ngành cao su trong thời gian tới.

Lãnh đạo Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên luôn ý thức được sự khó khăn ở phía trước, tập thể Hội đồng quản trị vẫn tin tưởng với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty cũng như chính sách trọng tâm về kinh doanh sẽ mang lại những kết quả tốt đẹp cho Công ty trong năm 2020 và tương lai. Hội đồng quản trị xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của Quý cổ đông, toàn thể cán bộ công nhân viên và người lao động, xin hứa với quyết tâm cao nhất để hoàn thành tốt hơn nữa kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, nâng thương hiệu của RTB lên một tầm cao mới, khẳng định sự phát triển bền vững của ngành cao su Việt Nam nói chung và của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên nói riêng.

Trân trọng kính chào.



I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

- ❖ Thông tin khái quát
 - ❖ Lĩnh vực hoạt động
 - ❖ Lịch sử hình thành và phát triển
 - ❖ Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức
 - ❖ Rủi ro
 - ❖ Mục tiêu và định hướng tương lai
-

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN
Tên tiếng anh	: TANBIEN RUBBER JOINT STOCK COMPANY
Logo	
Vốn điều lệ	: 879.450.000.000 đồng <i>(Tám trăm bảy mươi chín tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng)</i>
Mã cổ phiếu	: RTB
Trụ sở chính	: Tổ 2, ấp Thạnh Phú – xã Tân Hiệp – huyện Tân Châu – tỉnh Tây Ninh
Điện thoại	: 0276.3875193 – 3875266
Fax	: 0276.3875307
Email	: tabiruco@tabiruco.vn
Website	: www.tabiruco.vn
Giấy chứng nhận ĐKKD	: Giấy chứng nhận ĐKKD: 3900242832 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 29/04/2016

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Trồng cây cao su	0125(Chính)
2	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất cao su thiên nhiên	2013
3	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ	2012
4	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp Chi tiết: cây cao su giống	0130
5	Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: bán buôn cây giống cao su	4620
6	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
7	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế	4663
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai	1104
10	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất vật tư khai thác cao su	2599
12	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: sản xuất chai nhựa PET	2220
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn cao su, sản phẩm bao bì và các sản phẩm khác từ plastic	4669
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1985 Công ty bắt đầu thành lập từ ngày 20/12/1985 trên cơ sở sáp nhập giữa Công ty Cao su Bắc Tây Ninh - thuộc UBND Tỉnh Tây Ninh- và Công ty Cao su Thiên Ngôn - thuộc Tổng Cục Cao su Việt Nam, với diện tích 6,151 Ha.

2009 Công ty Cao su Tân Biên được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên theo quyết định số 340/QĐ – HĐQTCSVN ngày 24/12/2009, về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cao su Tân Biên thành Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

2016 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã ban hành Quyết định số 15A/QĐ-HĐTVCSVN ngày 15/01/2016 Về việc phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên.

Ngày 11/03/2016, Công ty đã Tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Ngày 21/4/2016 Công ty đã tổ chức Họp Đại hội đồng Cổ đông lần đầu Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, tại Đại hội đã Thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

Ngày 29/4/2016 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 3900242832. Hoạt động với hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/5/2016. Vốn điều lệ là 879.450 triệu đồng.

Ngày 07/11/2016 Cổ phiếu RTB của Công ty được giao dịch phiên đầu tiên trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX); Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là: 18.700 đồng/cổ phiếu.

Những giải thưởng tiêu biểu



Sản phẩm tiêu biểu



CAO SU SVR 3L



CAO SU SVR 5



CAO SU SVR 10



CAO SU SVR 20



CAO SU SVR CV50



CAO SU SVR CV60

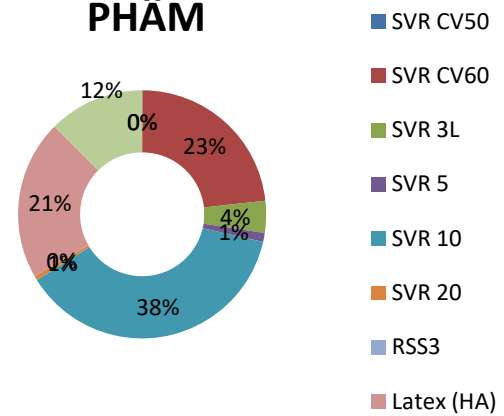
CAO SU LY TÂM (HA)



CAO SU LY TÂM (LA)



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG CAO SU CHẾ BIẾN THEO SẢN PHẨM



PHÔI CHAI PET



CHAI PET



NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI

NHỮNG GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU





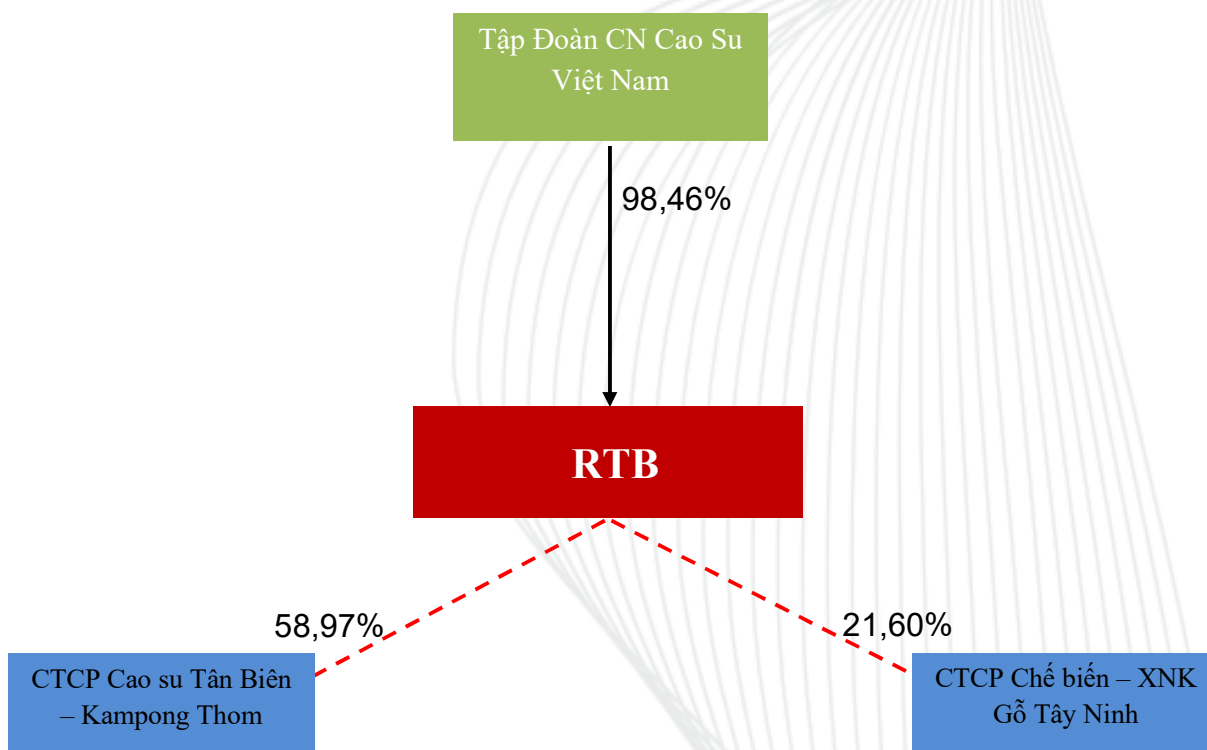
Cơ cấu doanh thu

Kênh tiêu thụ	Năm 2018		Năm 2019	
	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đồng)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đồng)
Cao su tự khai thác	7.320	242.644	6.339	208.707
Cao su thu mua	1.240	43.514	1.761	59.479
Cao su thương mại	4.499	153.945	3.754	121.650
Hoạt động thanh lý	403 ha	227.579	400 ha	166.367



Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

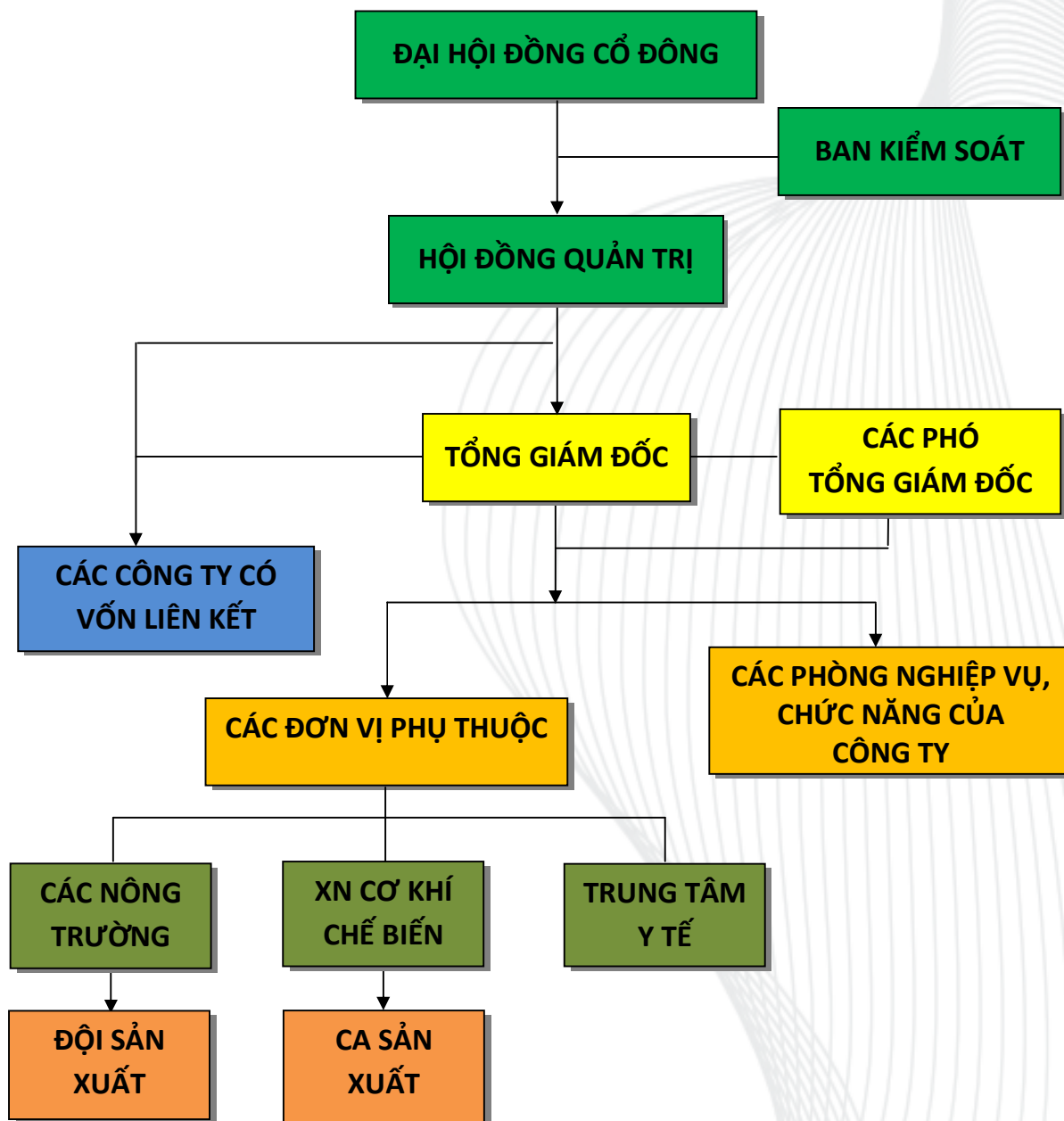
Mô hình quản trị



---> Công ty con, liên doanh, liên kết

—> Tổ chức/Cá nhân sở hữu RTB

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



RỦI RO

Rủi ro về thị trường

Suy thoái kinh tế thế giới kéo dài. Lạm phát, giá cả ảnh hưởng tiêu cực đến chi phí sản xuất và đời sống người lao động. Một khi kinh tế tăng trưởng chậm sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu của các sản phẩm của công ty, đặc biệt là mảng kinh doanh xuất khẩu.

Ngoài ra, những biến động về giá cả là yếu tố then chốt tác động đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Hiện nay, nước ta vẫn phụ thuộc khá nhiều vào biến động giá cao su thế giới, mức độ chủ động về giá còn thấp. Kèm theo đó là khả năng dự báo giá vẫn còn hạn chế. Vì vậy, những biến động giá cao su trên thị trường sẽ là rủi ro không nhỏ đối với các doanh nghiệp cao su nói chung và CTCP Cao su Tân Biên nói riêng.

Rủi ro về tỷ giá

Là doanh nghiệp kinh doanh cao su, với định hướng xuất khẩu chiếm khoảng 30% tổng doanh thu hàng năm của công ty vì vậy biến động tỷ giá VND so với các đồng ngoại tệ khác, đặc biệt là USD là yếu tố quan trọng tác động đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

Rủi ro tín dụng

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

- Phải thu khách hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định
- Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín của Việt Nam, Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



Rủi ro về lãi suất

Trong bối cảnh lãi suất ngân hàng chưa ổn định thì rủi ro này vẫn còn là một vấn đề đáng quan tâm. Vì vậy Công ty đã chủ động các phương án dự phòng để hạn chế thấp nhất rủi ro do biến động lãi suất. Đồng thời, công ty cũng tích cực tìm kiếm các nguồn vay với lãi suất ưu đãi, điều chỉnh cơ cấu vốn phù hợp.

Rủi ro dịch bệnh, thời tiết

Cao su là cây lâu năm, năng suất cao hay thấp, cây tăng trưởng tốt hay không tốt phụ thuộc rất nhiều vào công tác chăm sóc và trồng trọt. Tuy nhiên một mối hiểm nguy cho vườn cây cao su đó là nạn dịch bệnh và thời tiết mưa bão hàng năm. Việc kiểm soát tốt dịch bệnh sẽ giúp bảo vệ vườn cây phát triển ổn định tạo năng suất khai thác cao, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty.

Ngoài ra, về yếu tố thời tiết thì nằm ngoài tầm kiểm soát của con người. Vì vậy, cần phải có những biện pháp phòng ngừa và đối phó kịp thời trước những diễn biến của thời tiết như: mưa, bão, lốc xoáy,... để làm sao hạn chế thấp nhất mức thiệt hại cho vườn cây khai thác. Để từ đó duy trì một vườn cây tốt và phát triển bền vững.

Rủi ro dự án cao su tại Campuchia do Công ty Con làm chủ đầu tư

Bất đồng ngôn ngữ cũng như sự am hiểu về luật định, phong tục tập quán, thói quen làm việc của người Campuchia.

Lực lượng công nhân lao động người Campuchia thì không ổn định, biến động liên tục, nhất là sau mỗi đợt phát lương, Lễ hội ,...

Thời tiết không thuận lợi, địa hình đồi dốc làm ảnh hưởng đến công tác khai hoang trồng mới.



Mục tiêu chung & Định hướng phát triển

- Phát triển ổn định, bền vững, định hướng phát triển lâu dài là ưu tiên hàng đầu.
- Ưu tiên hợp tác các dự án SX sản phẩm từ cao su, nhằm ngày càng hạn chế xuất bán cao su thô.
- Duy trì tình hình tài chính công khai, minh bạch, chính xác và đúng luật.
- Định hướng, đào tạo nhân sự mạnh, trung thành, năng động và hiệu quả phù hợp với văn hoá của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc chăm sóc quyền lợi chính đáng cho Công nhân lao động.
- Phát triển thêm diện tích trồng cao su kết hợp với tìm kiếm thị trường và công nghệ SX cao su tiêu dùng, hạn chế dần việc xuất cao su thô.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng.
- Chuyển đổi một số diện tích đất sang trồng các cây hiệu quả hơn, có điều kiện để ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, điện năng lượng mặt trời, khai thác khoáng sản phù hợp với quy hoạch của tỉnh Tây Ninh, phát triển công ty theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động.



Chiến lược quản lý đảm bảo thực hiện hoàn thành chiến lược chung

- Tiếp tục phát huy các thành quả đã đạt được, khắc phục tồn tại của năm 2019.
- Giữ vững và nâng cao uy tín thương hiệu. Quan tâm không ngừng mở rộng thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo xu hướng đa dạng hóa. Nâng dần tỷ trọng sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và hệ thống ISO 14001:2015.
- Nâng cao vai trò quản lý của Cán bộ các cấp, tiếp tục cải tiến các định mức kinh tế kỹ thuật.
- Triệt để thực hành tất cả các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao vai trò của lực lượng Bảo vệ, phối hợp tốt với chính quyền địa phương để hạn chế các hiện tượng tiêu cực.
- Đổi mới quản lý. Thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng năng lực cán bộ các cấp nhằm đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới. Ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và sản xuất.
- Tăng cường công tác thu mua, gia công để bù đắp sản lượng giảm, đảm bảo công suất máy và tăng thu nhập người lao động;
- Thực hiện đề án tái cơ cấu theo chủ trương và thỏa thuận của Tập Đoàn CN cao su VN trong đó chú trọng sắp xếp lại ngành nghề kinh doanh, sắp xếp lại các công ty con, công ty liên kết;
- Tăng cường đầu tư và hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom thực hiện tốt việc đầu tư phát triển cao su tại Campuchia
- Tiếp tục tích cực chăm lo đến đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động;





II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tổ chức và nhân sự
 - ❖ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Thông tin cổ đông
-

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu công ty mẹ	Đvt	Thực hiện 2018	Thực hiện Năm 2019	% KH Năm 2019
Diện tích khai thác	Ha	3.883	3.426	100%
Sản lượng khai thác	Tấn	7.220	5.830	93%
Năng suất khai thác	Tấn/ha	1,86	1,70	93%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	13.059	11.854	101%
Tổng doanh thu	Tr đồng	690.954	578.889	114%
Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	268.171	212.723	125%

Năm 2019 Công ty đạt sản lượng khai thác 5.830 tấn, giảm 7,5% so với kế hoạch năm 2019. Sản lượng tiêu thụ nội địa đạt 8.314 tấn vượt 28% so với kế hoạch. Sản lượng xuất khẩu được 3.540 tấn, giảm 18% so với kế hoạch.

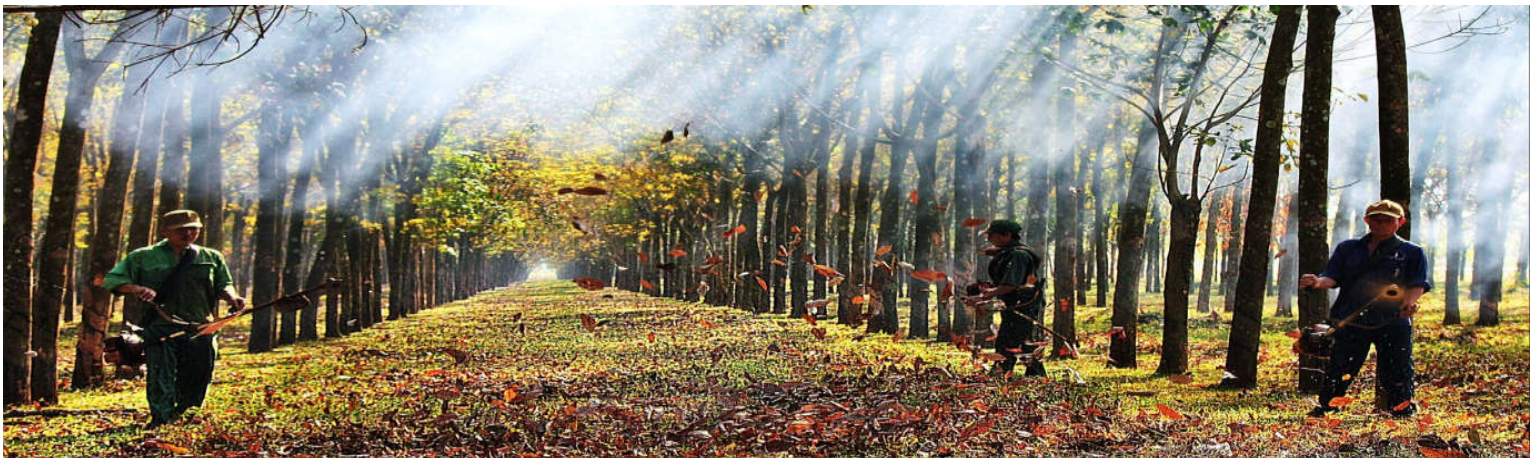
Bên cạnh đó nhờ hoạt động thanh lý vườn cây giúp mang về doanh thu hơn 166,641 tỷ đồng và đóng góp thêm 166,367 tỷ đồng lợi nhuận khác cho công ty năm vừa qua. Kết thúc năm 2019, công ty mẹ đạt tổng lợi nhuận trước thuế là 212,723 tỷ đồng vượt 25% so với kế hoạch.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
01	Trương Minh Trung	Chủ Tịch HĐQT	Thành Viên Không Điều Hành (Miễn nhiệm ngày 14/6/2019)
02	Lê Thị Bích Lợi	Chủ Tịch HĐQT	Thành Viên Điều Hành (Bổ nhiệm ngày 14/6/2019)
03	Trương Văn Cư	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
04	Đoàn Kim Chung	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
05	Lâm Thanh Phú	TV. HĐQT	Thành Viên Không Điều Hành (Bổ nhiệm ngày 14/6/2019)
06	Dương Tấn Phong	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
07	Tô Minh Tài	Thư ký HĐQT	
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
01	Trương Văn Cư	Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
02	Lê Thị Bích Lợi	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành (Miễn nhiệm ngày 14/6/2019)
03	Đoàn Kim Chung	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
04	Dương Tấn Phong	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành (Bổ nhiệm ngày 19/8/2019)
05	Trần Văn Toàn	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
KẾ TOÁN TRƯỞNG			
01	Lâm Thanh Phú	Kế toán trưởng	(Miễn nhiệm ngày 19/8/2019)
02	Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm ngày 19/8/2019)
BAN KIỂM SOÁT			
01	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban	
02	Hoàng Quốc Hưng	Thành Viên	
03	Trần Nguyễn Duy Sinh	Thành Viên	



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Trương Minh Trung
Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm
ngày 14/6/2019)



Bà Lê Thị Bích Lợi
Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm
ngày 14/6/2019)



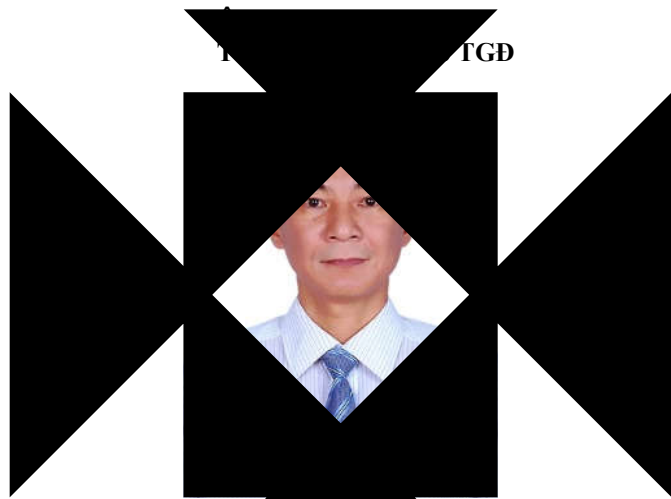
Ông Trương Văn Cư
Tv. HĐQT kiêm TGD



Tv. HĐQT kiêm TGD



Ông Dương Tấn Phong
Tv. HĐQT kiêm Phó TGD



14/6/2019)

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông TRƯƠNG MINH TRUNG

Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 14/6/2019)

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Năm sinh : 02/12/1968

CMND : 024088283

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 225/23A Nguyễn Đình Chiểu, phường 05, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Quá trình công tác :

Từ 11/1990-07/1998: Giảng viên khoa Công nghệ - Trường Đại học Cần Thơ

Từ 07/1998-05/2005: Chuyên viên Ban Quản lý kỹ thuật – Bộ phận cơ điện chế biến thuộc Tổng Công ty Cao su Việt Nam

Từ 05/2005-10/2010: Thư ký Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; được bổ nhiệm làm Phó chánh văn phòng Tập đoàn năm 2010

Từ 10/2010-06/2012: Thư ký Tổng giám đốc – Phó chánh văn phòng Tập đoàn, Phó Bí thư Chi bộ văn phòng

Từ 07/2012-06/2017: Chánh văn phòng Tập đoàn CNCsvn

Từ 08/2014-đến nay: Chủ tịch HĐQT CT TNHH MTV CS Chư Sê

Từ 02/2015- đến nay: Chủ tịch Công đoàn cơ quan Tập đoàn

Từ 05/2015 đến nay: Bí thư Chi bộ Văn phòng Tập đoàn

Từ 06/2017 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tập đoàn CNCsvn

Từ 11/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 500 CP-Tỷ lệ: 0,0006%

Đại diện vốn nhà nước: 38.220.803 CP - Tỷ lệ: 43,46%

Họ tên người liên quan: Không có



Bà LÊ THỊ BÍCH LỢI
Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 14/6/2019)

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông học

Năm sinh : 13/7/1968

CMND : 290627654

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Đông Lợi xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 06/1991-12/1996: Nhân viên phòng Nông nghiệp - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1996-09/2001: Phó giám đốc Nông trường cao su Bồ Túc - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2001-12/2009: Giám đốc Nông trường Cao su Bồ Túc - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2010-08/2014: Thành viên HĐQT – Giám đốc Nông trường Cao su Bồ Túc – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2014-05/2016: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016-06/2019: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc CTCP Cao su Tân Biên

Từ 06/2019- đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 2.900 CP
- Tỷ lệ: 0,00033%
Đại diện vốn nhà nước: 38.220.803 CP
- Tỷ lệ: 43,46%

Họ tên người liên quan: Không có



Ông TRƯƠNG VĂN CƯ
TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông học, cử nhân báo chí

Năm sinh : 30/06/1968

CMND : 072068000008

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Bình Trung, xã Bình Minh, TP
Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 06/1991-08/1997: Nhân viên phòng Kỹ thuật Nông nghiệp –
Công ty Cao su Tân Biên

Từ 08/1997-01/2004: Phó phòng Kỹ thuật nông nghiệp – Công
ty Cao su Tân Biên

Từ 02/2004-12/2004: Giám đốc Nông trường Tân Hiệp – Công
ty Cao su Tân Biên

Từ 12/2004-06/2010: Giám đốc Nhà máy chế biến – Công ty
TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 06/2010-08/2014: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Nhà
máy chế biến – Công ty TNHH MTV
Cao su Tân Biên

Từ 08/2014 – 08/2015: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2015 – 04/2016: Thành viên HĐQT, Quyền Tổng Giám
đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân
Biên

Từ 05/2016 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 46.955 CP - Tỷ lệ: 0,053%

- Đại diện vốn nhà nước: 17.589.000 CP - Tỷ lệ:20%

Họ tên người liên quan: - Trương Văn Dẽ – Em ruột - Số CP nắm
giữ: 10.200 CP - Tỷ lệ: 0,012%.

- Trương Thị Kim Trang – Em ruột - Số CP nắm giữ: 3.000 CP -
Tỷ lệ: 0,00341%.

- Lê Tấn Lợi – Em rể - Số CP nắm giữ: 2.900 CP - Tỷ lệ: 0,0033%.



Ông ĐOÀN KIM CHUNG
TV.HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật

Năm sinh : 01/01/1961

CMND : 290505784

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 03/1979-07/1979: Chiến sỹ huấn luyện tại C26 D7 Đoàn 403 Hải Quân V3 Đà Nẵng.

Từ 07/1979-07/1982: Học viên trường Kỹ thuật Hải Quân – Cát Lái TP.HCM

Từ 08/1982-10/1983: Học viên- Trường Kỹ thuật Hải Quân – UZMAUL – Liên Xô

Từ 11/1983-12/1987: Ngành trưởng pháo tàu, chuyên gia Hải Quân Campuchia-Căn cứ 505 vùng 5 Hải Quân – Đảng viên – Thượng úy

Từ 01/1988-04/1989: Cán bộ P.TCLĐ – Công ty cao su Tân Biên

Từ 05/1990-03/1991: Phó TP.TCLĐ – Công ty cao su Tân Biên

Từ 04/1991-12/2009: Trưởng P.TCLĐ – Công ty cao su Tân Biên

Từ 01/2010-06/2011: Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 06/2011-04/2016: Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016 - đến nay: Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 3.700 CP - Tỷ lệ:

0,0042%; Đại diện vốn nhà nước: 13.191.750 CP - Tỷ lệ:15%;

Đại diện vốn cho Công đoàn Công ty: 20.000 CP - Tỷ lệ:0,023%.

Họ tên người liên quan: - Phạm Thị Lài – Vợ - Số CP nắm giữ: 10.400 CP - Tỷ lệ: 0,012%.

- Đoàn Kim Quy – Con ruột - Số CP nắm giữ: 700 CP - Tỷ lệ: 0,0008%.

- Đoàn Hải Đăng – Con ruột - Số CP nắm giữ: 200 CP - Tỷ lệ: 0,0002%.

- Đoàn Văn Chuyên – Em ruột - Số CP nắm giữ: 2.800 CP - Tỷ lệ: 0,0032%.

- Dương Thị Lý – Em dâu - Số CP nắm giữ: 2.200 CP - Tỷ lệ: 0,0025%



Ông DƯƠNG TẤN PHONG
TV.HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Nông học.

Năm sinh : 18/4/1968

CMND : 290370686

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 118, Huỳnh Tấn Phát, KP Hiệp Lễ,
Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh,
tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 06/1991-12/1991: Nhân viên P. KTNN, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1991-05/1992: Trợ lý kỹ thuật Nông trường Suối Ngô, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 5/1992-6/1996: Nhân viên P. KTNN, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 06/1996-12/2004: Phó giám đốc kỹ thuật Nông trường Xa Mát, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2005-3/2009: Trưởng phòng KTNN, Công ty Cao su Tân Biên.

Từ 03/2009-07/2011: Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Xa Mát, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 08/2011 – 06/2018: Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Tân Hiệp, Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên (Nay là Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên)

Từ 06/2018 – 08/2019: TV.HĐQT kiêm Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Tân Hiệp, Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 08/2019 – đến nay: Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 4.200 CP - Tỷ lệ: 0,0048%; Đại diện vốn nhà nước: 4.397.250 CP - Tỷ lệ: 5 %.

Họ tên người liên quan: Không có

Ông Lâm Thanh Phú
Thư ký HĐQT (Bổ nhiệm ngày 14/6/2019)



Độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Ngày sinh : 29/08/1971

Số điện thoại : 072071001683

Nationality : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác:

Từ 08/1995-11/1999: Nhân viên phòng Kinh doanh - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 11/1999-08/2004: Phó phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2004-04/2016: Kế Toán Trưởng, Trưởng phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 05/2016-08/2019: Kế Toán Trưởng, Trưởng phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 08/2019-đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 5.200 CP
- Tỷ lệ: 0,00059%
Đại diện vốn nhà nước: 13.191.750 CP
- Tỷ lệ: 15%

Họ tên người liên quan:

- Lâm Thanh Hùng– Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.100 CP - Tỷ lệ: 0,0013%.

- Lâm Thanh Tùng– Em ruột - Số CP nắm giữ: 900 CP - Tỷ lệ: 0,001%.

- Trần Nguyễn Thanh Trúc– Em Dâu - Số CP nắm giữ: 900 CP - Tỷ lệ: 0,001%.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông TRƯƠNG VĂN CƯ (SYLL tương tự phần HĐQT)



Ông ĐOÀN KIM CHUNG (SYLL tương tự phần HĐQT)



Ông DƯƠNG TẤN PHONG (SYLL tương tự phần HĐQT)



Ông TRẦN VĂN TOÀN

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Năm sinh : 26/02/1966

CMND : 290641959

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 06/1991-12/1998: Nhân viên Phòng KHĐT và phòng Kinh doanh Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1998-12/1999: Trưởng ban kiểm soát nội bộ - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2000-03/2005: Nhân viên Phòng Kinh doanh và Phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 03/2005-06/2005: Phó phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 07/2005-09/2007: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2007-06/2009: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cao su Tân Biên-Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom

Từ 09/2007-06/2009: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom

Từ 06/2009-12/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom.

Từ 01/2011-08/2014: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong

Từ 08/2014-04/2016: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Tân Biên; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty TNHH Cao su Mekong Campuchia

Từ 05/2016-đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tân Biên; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty TNHH Cao su Mekong Campuchia

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ:0%

Họ tên người liên quan: - Hồ Thị Bích Loan - Vợ - Số CP nắm giữ: 2.400 CP - Tỷ lệ: 0,0027%.

- Trần Thị Thương – Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.900 CP - Tỷ lệ: 0,0022%.

- Trần Thị Ngọc Bé – Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.100 CP - Tỷ lệ: 0,0012%

- Nguyễn Tri Ân – Em rể - Số CP nắm giữ: 1.000 CP - Tỷ lệ: 0,0011%

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Sang
Trưởng Ban kiểm soát



Ông Hoàng Quốc Hưng
TV. Ban kiểm soát



Ông Trần Nguyễn Duy Sinh
TV. Ban kiểm soát



1. Ông: NGUYỄN VĂN SANG

Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Năm sinh : 12/2/1977

CMND : 291085153

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Ấp Hội Phú, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Quá trình công tác :

Từ 11/1977-06/1999: Nhân viên Kế toán – Nhà máy chế biến – Công ty cao su Tân Biên

Từ 06/1999-03/2009: Nhân viên Kế toán – Phòng Tài chính kế toán – Công ty cao su Tân Biên

Từ 04/2009-05/2010: Kế toán tổng hợp – Nông trường cao su Suối Ngô- Công ty Cao su Tân Biên

Từ 06/2010-07/2010: Nhân viên kế toán – phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2010-10/2011: Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 10/2011-04/2016: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016 đến nay: Trưởng ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 2.000 CP - Tỷ lệ: 0,002%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ:0%

Họ tên người liên quan: Không có



2. Ông HOÀNG QUỐC HƯNG

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 14/6/1990

CMND : 285290939

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 288 Thôn Phú Thịnh, xã Phú Riềng,
huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

Quá trình công tác :

Từ 07/2012-08/2013: Trợ lý kiểm toán – Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (CN HCM)

Từ 09/2013-04/2016: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

Từ 05/2016 đến nay: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Họ tên người liên quan: Không có



3. Ông: **TRẦN NGUYỄN DUY SINH**

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Năm sinh : 14/2/1979

CMND : 290641872

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Khu phố Ninh Trung - Phường Ninh Sơn
– Thành Phố Tây Ninh.

Quá trình công tác :

Từ 03/2009-11/2013: Nhân viên Xí nghiệp Cơ khí vận tải – Công ty cao su Tân Biên

Từ 04/2009-07/2009: Kế toán tổng hợp Xí nghiệp Cơ khí vận tải – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 08/2009-10/2010: Thư ký tổng hợp cho Ban Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 11/2010-04/2017: Cán bộ phụ trách Công tác tiền lương thuộc phòng Tổ chức hành chính – Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 05/2017-đến nay: Cán bộ phụ trách Công tác tiền lương thuộc phòng Tổ chức hành chính, Thành viên ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Cổ phiếu nắm giữ: Cá nhân sở hữu 600 CP - Tỷ lệ: 0,0007%
Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ:0%

Họ tên người liên quan:

- Trần Nguyễn Thanh Trúc – Em ruột - Số CP nắm giữ: 900 CP - Tỷ lệ: 0,00102%.

- Lâm Thanh Tùng – Em Rể - Số CP nắm giữ: 890 CP - Tỷ lệ: 0,00101%

Thống kê lao động

Chỉ tiêu	SL (người)
Theo tính chất hợp đồng lao động	
HĐ có xác định thời hạn	01
HĐ không xác định thời hạn	1.361
HĐ theo thời vụ (công nhật)	10
Tổng cộng	1.372

Biến động Lao động trong năm:

Lao động có mặt đầu kỳ:	1.463 người
Tăng trong kỳ:	209 người
Giảm:	300 người
Lao động có mặt cuối kỳ:	1.372 người

Tổ chức cán bộ:

- Giao nhiệm vụ: 02 người.
- Điều động và Bổ nhiệm: 06 người; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại :08 người; điều động CB.CNV: 68 người; Thôi giữ chức vụ, điều động và bổ nhiệm: 32 người; Bổ trí Nhiệm vụ: 1 người; Luân chuyển 02 người.
- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: 61 người.
- Nâng lương định kỳ: 218 người.

Giải quyết chế độ chính sách:

Nghỉ việc được hưởng trợ cấp 1 lần: 124 trường hợp, tổng kinh phí Công ty chi trả: 2.017.192.000 đồng

Chính sách lao động:

- Giải quyết tiền lương hàng tháng đúng định kỳ.
- Tổng quỹ lương KH: 119.042.706.200 đồng
- Quỹ lương thực hiện: 109.890.918.720 đồng
- Thu nhập bình quân/người/tháng: Kế hoạch 7.404.000 đồng, thực hiện 6.962.000 đồng, đạt tỷ lệ 94%.
- Chi bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho công nhân khai thác, chế biến, nước thải, bảo vệ lô 15.000 đồng/người/ngày, công nhân còn lại 10.000 đồng/người/ngày.
- Trang cấp phòng hộ lao động: 710.362.650 đồng.
- Ăn giữa ca 17.000 đồng/người/ngày: 6.306.464.232 đồng.

Chính sách chăm lo sức khỏe cho người lao động

Điều trị:

- *Kết quả khám chữa bệnh cụ thể như sau:*

- Điều trị và khám kê toa cho **3.164** lượt người.
- Điều trị nội trú cho : **31** ca. Tổng số ngày điều trị: **67** ngày. Đạt công suất sử dụng giường bệnh 1,84%.
- Cấp cứu: 4 cas
- Chuyên tuyến trên 154 cas.
- Khám sức khỏe 01 đợt/năm tập trung cho toàn thể CB-CNV: **1.091/1.430** CBCNV đạt tỉ lệ 76% tổng số CBCNV.

Phòng dịch:

Kết hợp cùng y tế địa phương và y tế ngành cao su luôn luôn đảm bảo đủ lượng thuốc dự phòng chống dịch, đảm bảo công tác phòng dịch có hiệu quả cao.

Bảo hiểm y tế:

- 100% CBCNV công ty có thẻ BHYT bắt buộc do BHXH Tây Ninh phát hành.
- Công tác BHYT được thanh quyết toán kịp thời.
- Bệnh nhân BHYT được đối xử công bằng và tạo mọi điều kiện để khám chữa bệnh.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Báo cáo tài chính riêng)

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2019	Ghi chú
Tổng tài sản	1.442	
Doanh thu thuần	391	
Lợi nhuận trước thuế	213	
Lợi nhuận sau thuế	172	

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2019	Ghi chú
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	79,23	
	- Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	20,77	
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ/Tổng tài sản	%	34,47	
	- Nợ/Vốn CSH	%	52,61	
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,87	
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,47	
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TS LNST/Tổng tài sản	%	5,49	
	- TS LNST/Doanh thu	%	21,28	
	- TS LNST/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	8,39	
5	Vòng quay hoạt động			
	- Vòng quay HTK	Vòng	3,13	
	- Vòng quay Tài sản	Vòng	0,07	

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Dự án đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom

- Dự án đã được Chính phủ Việt Nam cấp phép đầu tư ra nước ngoài và Hội đồng phát triển Vương quốc Campuchia chính thức cấp phép đầu tư vĩnh viễn vào Campuchia, Do Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đầu tư vào 02 dự án tại Campuchia:
- Dự án 1: Thực hiện đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư số 128/BKHĐT-ĐTRNN cấp ngày 24/04/2008 và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 128/BKHĐT-ĐTRNN-ĐC1 ngày 08/07/2011 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng giá trị đầu tư là 55.067.777 USD, tương đương 1.029.369.710.000 đồng (tỷ giá 18.692,77 đồng/USD). Mức đầu tư bình quân là 137.249.295 đồng/ha. Trồng cao su tại tỉnh Kampong Thom do Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên – Kampong Thom là chủ đầu tư trực tiếp hoạt động tại Vương quốc Campuchia.
- Dự án 2: Thực hiện đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư số 725/BKHĐT-ĐTRNN cấp ngày 04/07/2014 và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 725/BKHĐT-ĐTRNN-ĐC1 cấp ngày 27/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng giá trị đầu tư là 61.983.000 USD, tương đương 1.301.652.000.000 đồng (tỷ giá 21.000,00 đồng/USD). Mức đầu tư bình quân là 192.837.333 đồng/ha. Trồng cao su tại tỉnh Preah Vihear và tỉnh Kampong Thom do Công ty TNHH Cao su MêKong là chủ đầu tư trực tiếp hoạt động tại Vương quốc Campuchia.
- Tổng vốn điều lệ được phê duyệt 1.434 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên tham gia góp vốn 58,97% Vốn điều lệ, tương đương 845,632 tỷ đồng. Công ty đã góp được đủ 100%
- Đến 31/12/2019 tổng diện tích đất trồng cây cao su lũy kế: 12.952,54 ha, vườn cây phát triển tốt, ổn định.
- Tổng vốn chủ sở hữu của Dự án đến 31/12/2019: 1.434 tỷ đồng, trong đó vốn góp từ Công ty là 845,632 tỷ đồng (tương đương 58,97%), số vốn còn lại do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam 41,004% và các cổ đông là cá nhân, tương đương 0,026%.
- Dự án 1 kết quả kinh doanh năm 2019 có lãi hơn 07 tỷ đồng và đã tự chủ được về tài chính. Dự án 2 do mới đưa vườn cây vào khai thác nên sản lượng những năm đầu chưa cao, chi phí từ hoạt động tài chính cao và giá bán cao su còn thấp. Kết quả kinh doanh năm 2019 lỗ 29,90 tỷ đồng.

2. Dự án Cty CP Chế biến XNK Gỗ Tây Ninh

Tổng Vốn điều lệ 50 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên tham gia góp vốn 21,6% Vốn điều lệ, tương đương 10,8 tỷ đồng. Công ty đã góp đủ 100%. Dự án đã đầu tư thi công hoàn chỉnh nhà máy và đưa vào hoạt động từ quý IV/2009 đến nay. Thế mạnh của Công ty là sản xuất gỗ phối bán xuất khẩu và bán trong nước, sản xuất gỗ ghép tấm chất lượng cao. Sau hơn 9 năm đi vào hoạt động, vốn chủ sở hữu (Chỉ tiêu 410 – Bảng cân đối kế toán trong Báo cáo tài chính năm 2019) đạt 81,047 tỷ đồng, tăng lên 31,047 tỷ đồng (tương đương tăng 62,09%) so với vốn góp ban đầu (50 tỷ đồng). Công ty cũng là đơn vị thành viên nên có lợi thế được Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam hỗ trợ phân phối nguồn gỗ nguyên liệu hàng năm, do đó nhà máy hoạt động hết công suất thiết kế. Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 8,271 tỷ đồng. Cổ tức được chia là 10% với số tiền 1,08 tỷ đồng.

3. Góp vốn vào Công ty cổ phần Quasa Geruco

- Mục đích đầu tư: Trồng 8.650 ha cao su tại Lào.
- Tổng vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp đủ 1,2% Vốn điều lệ, tương đương 12 tỷ đồng. Diện tích trồng: 7.340 ha, địa điểm tại tỉnh Savannakhet, nước CHDC Nhân dân Lào. Bắt đầu trồng từ năm 2007. Hiện nay, Dự án đã đi vào khai thác và đã làm mặt bằng để xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su sơ chế với công suất 7.000 tấn/năm.
- Do dự án mới đi vào khai thác, sản lượng những năm đầu chưa cao, giá bán thấp, chi phí phát sinh lớn nên năm 2019 kết quả kinh doanh của Dự án chưa hiệu quả.

4. Dự án Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG – Quảng Trị:

- Mục đích đầu tư: Dự án nhà máy sản xuất gỗ MDF, công suất 60.000 m³/năm.
- Tổng vốn điều lệ: 551 tỷ đồng.
- Thời gian triển khai: năm 2005.
- Đến 31/12/2019 Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp 33,672 tỷ đồng, tương đương 6,11% Vốn điều lệ.
- Dự án đã đầu tư thi công hoàn chỉnh nhà máy và đưa vào hoạt động. Hiện nay vốn chủ sở hữu (Chỉ tiêu 410 – Bảng cân đối kế toán trong Báo cáo tài chính năm 2019) đạt 668,017 tỷ đồng, tăng lên 116,881 tỷ đồng (tương đương tăng 21,2%) so với vốn góp (551,136 tỷ đồng). Hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt nên hàng năm Công ty có tích lũy và dự nguồn để trả cổ tức cho các Cổ đông. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 34,489 tỷ đồng.

5. Dự án Công ty CP TMDV và Du Lịch Cao Su:

- Tổng vốn điều lệ 427 tỷ đồng do Tập đoàn và các đơn vị thành viên góp vốn. Trong đó, Cty CP Cao su Tân Biên đã góp vốn đủ 13 tỷ đồng, dự án này đã hoàn thành và đưa vào hoạt động ngày 25/10/2010.
- Ngày 31/12/2014, Công ty đã thoái vốn tại Công ty CP TMDV và Du lịch Cao su số tiền: 1.065.570.000 đồng tương đương 106.557 cổ phiếu. Như vậy đến 31/12/2019 số vốn góp của Công ty CP Cao su Tân Biên tại Dự án này chỉ còn 11.934.430.000 đồng, tương đương 1.193.443 cổ phiếu.
- Dự án đang trong lộ trình tái cơ cấu chung của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Công ty đang tích cực tìm đối tác để thực hiện thoái vốn từ năm 2014 theo Đề án Tái cơ cấu của Công ty, nhưng đến nay vẫn chưa thoái vốn được.

6. Dự án Cty CP PT Đô thị & KCN Cao su VN:

- Mục đích đầu tư: Xây dựng Khu công nghiệp tại Hải Dương.
- Thời gian khởi công: tháng 01 năm 2008.
- Tổng vốn điều lệ 258,94 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp vốn 7,56% tương đương 19,580 tỷ đồng. Năm 2019 dự án này đã bắt đầu có hiệu quả.

- Dự án đang trong lộ trình tái cơ cấu chung của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt nam. Công ty đang tích cực tìm đối tác để thực hiện thoái vốn từ năm 2014 theo Đề án Tái cơ cấu của Công ty, nhưng đến nay vẫn chưa thoái vốn được.

Khoản mục (Đvt: đồng)	Đầu tư năm 2018	Luỹ kế đến 31/12/2018		
		Tổng số	Mệnh giá gốc	Chênh lệch
Đầu tư vào công ty con (TK 221)	154.677.000.000	795.041.141.348	845.631.760.000	(50.590.618.652)
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	154.677.000.000	795.041.141.348	845.631.760.000	(50.590.618.652)
Đầu tư vào công ty liên kết (TK 223)	0	16.091.369.631	10.800.000.000	5.291.369.631
Công ty CP CB&XNK Gỗ Tây Ninh		16.091.369.631	10.800.000.000	5.291.369.631
Đầu tư dài hạn khác (TK 228)	0	45.904.576.742	77.185.980.000	(31.281.403.258)
Công ty CP Gỗ MDF Quảng Trị		26.263.809.000	33.671.550.000	(7.407.741.000)
Công ty CP TMDV&DL Cao su		2.173.597.465	11.934.430.000	(9.760.832.535)
Công ty CP Quasa Geruco		11.593.170.277	12.000.000.000	(406.829.723)
Công ty CP PT ĐT & KCN Cao su VN		5.874.000.000	19.580.000.000	(13.706.000.000)
TỔNG CỘNG	154.677.000.000	857.037.087.721	933.617.740.000	(76.580.652.279)



THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG RTB

Vốn điều lệ: 879.450.000.000 đồng

Mã chứng khoán: RTB

Tổng số CP: 87.945.000 CP

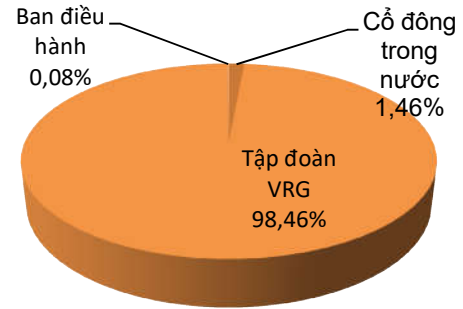
Số lượng CP đang lưu hành: 87.945.000 CP

Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng: 100.000 CP

Số lượng CP quỹ: 0 CP

Giá trị sổ sách tại 31/12/2019: 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông RTB tại 31/12/2019



Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn cổ phần
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	86.590.553	98,46%
Cổ đông trong nước	1.354.447	1,54%
-Tổ chức	120.000	0,14%
-Cá nhân	1.234.447	1,40%
Cổ đông nước ngoài	0	0%
-Tổ chức	0	0%
-Cá nhân	0	0%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Tổng cộng	87.945.000	100%

Biểu đồ giá cổ phiếu RTB trong 1 năm qua



Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên chốt ngày 31/12/2019

Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy Đăng ký sở hữu	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.HCM	4106000341	86.590.553	98,46%

Tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành (HDQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, bao gồm đại diện cổ phần Nhà nước, vốn tổ chức khác) tại ngày 31/12/2019

Tên cổ đông	Chức vụ	CMND	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch HDQT	290627654	38.223.703	43,46%
Trương Văn Cư	Tv.HDQT kiêm Tổng Giám đốc	72068000008	17.635.955	20,05%
Đoàn Kim Chung	Tv.HDQT kiêm Phó TGD	290505784	13.215.450	15,03%
Lâm Thanh Phú	Tv.HDQT độc lập	290472438	13.196.950	15,01%
Dương Tấn Phong	Tv.HDQT kiêm Phó TGD	290370686	4.401.450	5,00%
Trần Văn Toàn	Phó TGD	290641959	0	0,000%
Nguyễn Văn Sang	Trưởng ban kiểm soát	291085153	2.000	0,002%
Trần Nguyễn Duy Sinh	Tv. Ban kiểm soát	183529008	600	0,001%
Hoàng Quốc Hưng	Tv. Ban kiểm soát	285290939	0	0,000%
Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng	290519871	0	0,000%
Tổng cộng			86.676.108	98,56%

Trong năm công ty không có hoạt động làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.



III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

-
- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - ❖ Tình hình tài chính
 - ❖ Những cải tiến trong năm
 - ❖ Kế hoạch phát triển tương lai
-

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Khó khăn – Thuận lợi

Khó khăn

- Bệnh phấn trắng phát triển trên vườn cây kinh doanh với tỉ lệ bệnh 89,68%, chỉ số bệnh 49,07%. Vào đầu mùa khai thác mủ (tháng 5, 6) nắng hạn kéo dài, lượng mưa thấp nên vườn cây khai thác bị sụt giảm sản lượng do ẩm độ đất thấp. Đặc biệt, tại các nơi đất đồi, sỏi phún nhiều thì sản lượng sụt giảm vào 03 tháng cuối năm do lượng mưa ít.
- Năm 2019, vườn cây của Công ty đa số diện tích đang thời kỳ già cỗi, miệng cạo cao, cạo đến cành nhánh, suy giảm năng suất. Diện tích vườn cây nhóm 2 chiếm 60,51% (vườn cây nhóm II ở tuổi cạo >15 trở đi), nhóm 3 và tận thu chiếm 39,49%, nên ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện kế hoạch sản lượng năm 2019.
- Do vườn cây có miệng cạo cao, cạo rất khó khăn, cây cho năng suất thấp, cùng với giá bán mủ cao su thấp, dẫn đến tiền lương giảm, nhiều công nhân nghỉ việc chuyển sang làm lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ hoặc mua vườn cây tiểu điền để cạo mủ, nên Công ty thường xuyên thiếu hụt lao động khai thác mủ.
- Công tác cưa cắt móc gốc của các nhà thầu còn chậm nên một số diện tích trồng tái canh kết thúc trễ (20/8/2019).
- Các nhà máy khu vực lân cận Công ty thường đẩy giá thu mua lên cao đã gây khó khăn cho công tác thu mua mủ nguyên liệu của Công ty.

Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc, tạo điều kiện, giúp đỡ của Tập đoàn CN cao su Việt Nam, các cấp ủy Đảng và chính quyền, địa phương nơi Công ty trú đóng trên địa bàn.
- Tiếp tục áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất vườn cây trước mắt và lâu dài, trong đó đặc biệt lưu ý công tác quy hoạch bứng cạo, kích thích mủ bằng phương pháp Gastech. Quy trình kỹ thuật được thực hiện nghiêm túc ngay từ đầu năm, công tác kiểm tra kỹ thuật được thực hiện thường xuyên và có chế độ khen thưởng kỹ thuật kịp thời.
- Sản phẩm của Công ty có chất lượng ổn định, được khách hàng đánh giá cao, sản phẩm được cung cấp đến các nhà sản xuất trực tiếp như: Võ xe, găng tay, nệm mousse...
- Công tác chăm sóc vườn cây được đặc biệt chú trọng như: bón phân, diệt cỏ, cày chăm sóc tủ gốc bằng máy nên đã tiết giảm đáng kể chi phí suất đầu tư.

Một số các chỉ tiêu thực hiện năm 2019 Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2019		
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%
A	B	2	3	4=3/2
A-CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG:				
1-Diện tích khai thác:	ha	3.426	3.426	100,0%
2-Sản lượng khai thác:	tấn	6.300	5.830	92,5%
3-Năng suất:	tấn/ha	1,84	1,70	92,5%
4-Sản lượng chế biến:	tấn	7.800	7.029	90,1%
Trong đó:-Mủ khai thác	tấn	6.300	5.499	87,3%
-Mủ thu mua	tấn	1.500	1.456	97,1%
-Gia công	tấn		74	
5-Sản lượng tiêu thụ:	tấn	10.800	11.854	109,8%
Trong đó:-Mủ khai thác	tấn	6.300	6.339	100,6%
-Mủ thu mua	tấn	1.500	1.761	117,4%
-Hàng hóa cao su	tấn	3.000	3.754	125,1%
+Xuất khẩu:	tấn	4.300	3.540	82,3%
-Trực tiếp	tấn	4.300	3.540	82,3%
-Uy thác qua Tập đoàn	tấn			
-Uy thác qua đơn vị khác	tấn			
+Nội tiêu:	tấn	6.500	8.314	127,9%
6-Tồn kho cuối năm:	tấn	2.734	2.477	90,6%
B-CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ:				
1-Giá thành tiêu thụ:	Tr đồng	30,83	31,19	101,1%
Trong đó: -Mủ khai thác	Tr đồng	30,00	30,23	100,8%
-Mủ thu mua	Tr đồng	33,00	33,36	101,1%
-Hàng hóa cao su	Tr đồng	31,50	31,79	100,9%
2-Giá bán:	Tr đồng	32,58	32,89	100,9%
Trong đó: -Mủ khai thác	Tr đồng	33,00	32,93	99,8%
-Mủ thu mua	Tr đồng	33,00	33,77	102,3%
-Hàng hóa cao su	Tr đồng	31,50	32,41	102,9%
3 -Tổng doanh thu:	Tr đồng	507.122	578.889	114,2%
4-Tổng lợi nhuận trước thuế:	Tr đồng	170.224	212.723	125,0%
5-Chỉ tiêu phải nộp Ngân sách	Tr đồng	48.057	60.595	126,1%
6-Chỉ tiêu đã nộp Ngân sách	Tr đồng	44.920	56.228	125,2%
7-Tỷ suất lợi nhuận:				
_ Trước thuế/doanh thu	%	33,57	36,75	109,5%
_ Trước thuế /vốn điều lệ	%	19,36	24,19	125,0%
8-Trả cổ tức trên vốn điều lệ	%	10	10	100,0%
9-Tổng đầu tư XDCB	Tr đồng	39.487	22.027	55,8%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Cuối kỳ	Đầu kỳ	%Cuối kỳ/Đầu kỳ
Tổng tài sản	2.848	2.862	99,51
Tài sản ngắn hạn	592	617	95,88
Phải thu ngắn hạn	31	35	89,96
Hàng tồn kho	143	131	109,59
Tài sản dài hạn	2.257	2.245	100,51

Tổng tài sản giảm 0.49% so với đầu kỳ, tương đương giá trị tổng tài sản đạt 2.848 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ tài sản ngắn hạn giảm 4,18% trong đó, chủ yếu do tiền và các khoản tương đương tiền giảm 36%.

Chính những yếu tố trên dẫn đến tổng tài sản giảm so với đầu kỳ.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Cuối kỳ	Đầu kỳ	%Cuối kỳ/Đầu kỳ
Nợ phải trả	982	993	98,90
Nợ ngắn hạn	240	273	87,82
Vay và nợ ngắn hạn	1	4	29,63
Phải trả người lao động	77	82	94,49
Quỹ khen thưởng phúc lợi	11	20	57,73
Nợ dài hạn	742	720	103,10
Vay dài hạn	710	687	103,33

Nợ phải trả trong năm qua của công ty giảm 1,1% so đầu kỳ. Chủ yếu là do công ty cơ cấu lại nợ vay và các khoản công nợ thay đổi.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Công tác chế biến

- Chất lượng chế biến các loại sản phẩm đều được nâng cao.
- Công tác bảo trì sửa chữa thường xuyên nên thiết bị, máy móc hoạt động tốt, không ảnh hưởng đến công tác sản xuất, đảm bảo công suất và chất lượng ổn định.
- Xe vận chuyển nguyên liệu về nhà máy an toàn, hiệu quả đảm bảo thời gian nhanh nhất, chất lượng tốt nhất cho sản xuất.



Công tác tài chính

- Nguồn vốn thường xuyên được cân đối để phục vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ bản (trong đó, thực hiện dự án tái canh trồng mới của Công ty, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và chi trả các chế độ cho người lao động);
- Cập nhật các Thông tư, Chỉ thị mới vào công tác nghiệp vụ chuyên môn hàng ngày. Đảm bảo công tác hạch toán tính đúng, tính đủ vào giá thành;
- Đảm bảo việc chi trả lương, thưởng và các chế độ chính sách đến tay người lao động.
- Thực hiện chi nộp Ngân sách Nhà nước đầy đủ, kịp thời;
- Thực hiện thanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản theo quy định;
- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về tình hình tài chính của đơn vị.
- Hoàn thành công tác báo cáo tài chính, báo cáo định kỳ theo quy định của Pháp luật và của Tập đoàn, góp phần cho công tác công bố thông tin được kịp thời.

Công tác tái canh cao su và chăm sóc vườn cây KTCB

▪ Công tác tái canh:

Diện tích thực hiện tái canh năm 2019: 441,44 ha, đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch.

Công tác quản lý giống: Công ty đã xây dựng kế hoạch sử dụng giống cụ thể cho từng nông trường, từng lô và tuân thủ cơ cấu giống Tập đoàn quy định, tỷ lệ các giống mới được đưa vào cân đối (chủ yếu là các giống RRIV 1, RRIV 5, RRIV 106, RRIV 107, RRIV 115, RRIV 124, RRIV 209, PB 255).



Do Công ty tổ chức tốt các khâu chuẩn bị cho công tác tái canh năm 2019 và tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật nên nhìn chung vườn cây tái canh và KTCB sinh trưởng và phát triển tốt, tỷ lệ sống cao.

Thực hiện chủ trương của Tập đoàn, Công ty khuyến khích công nhân, hộ gia đình nhận chăm sóc vườn cây được trồng xen canh cây ngắn ngày trên diện tích nhận khoán, qua đó người lao động có thêm thu nhập, Công ty tiết giảm suất đầu tư.

▪ **Chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản:**

Công ty đã thực hiện và chăm sóc vườn cây tái canh năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018 với tổng diện tích là 2.155,83 ha. Vườn cây được chăm sóc tốt, bón phân đầy đủ và đúng quy trình kỹ thuật.

Công tác tỉa chồi tạo tán được áp dụng đúng quy trình kỹ thuật của Tập đoàn. Phòng trị kịp thời các bệnh hại trên vườn cây, tiến hành phun thuốc trừ rệp vảy, bệnh nứt vỏ (*Botryodiplodia*), bệnh nấm hồng.



Đánh giá phân hạng vườn cây: Diện tích vườn cây đạt loại A là 2.146,89 ha chiếm tỉ lệ 82,62%, loại B là 328,4 ha chiếm tỉ lệ 12,64%, vườn cây đạt loại C là 123,27 ha chiếm tỉ lệ 4,74%.

▪ **Quản lý suất đầu tư:**

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn về tiết giảm suất đầu tư, năm 2019 Công ty xây dựng suất đầu tư bình quân 56 triệu đồng/ha. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp kỹ thuật về quản lý suất đầu tư tương ứng với từng năm trồng và phương thức chăm sóc phù hợp, đúng quy trình quy định.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư ngoài

▪ **Thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản**

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản luôn được Công ty đặc biệt quan tâm nhất là các công trình trọng điểm phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Do tiết giảm đầu tư nên Công ty chỉ thực hiện một số công trình thực sự cần thiết như: 01 Máy bơm chìm giếng khoan 11KW và 01 Máy bơm màng đôi dẫn động bằng khí nén Marathon; 01 Xe quản lý (loại 7 chỗ, hiệu Chevrolet TRAILBLAZER). Thực hiện đúng quy định về Luật đấu thầu và quy chế mua sắm hàng hoá của Công ty.

▪ **Công tác đầu tư tài chính**

Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã tham gia góp vốn 06 Dự án, trong đó có 02 dự án đầu tư ra nước ngoài. Cụ thể:

Góp vốn vào Công ty cổ phần cao su Quasa Geruco

Tổng vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp đủ 1,2% Vốn điều lệ, tương đương 12 tỷ đồng. Diện tích trồng: 7.340 ha, địa điểm tại tỉnh Savannakhet, nước CHDC Nhân dân Lào. Bắt đầu trồng từ năm 2007. Hiện nay, Dự án đã đi vào khai thác và đã làm mặt bằng để xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su sơ chế với công suất 7.000 tấn/năm.

Góp vốn vào Công ty cổ phần cao su Tân Biên – Kampong Thom

Công ty tiến hành mua Cổ phiếu riêng lẻ do Công ty CP Cao su Tân Biên - Kampong Thom phát hành tổng số tiền 154,677 tỷ đồng (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

Tổng vốn chủ sở hữu của Dự án đến 31/12/2019: 1.434 tỷ đồng, trong đó vốn góp từ Công ty là 845,632 tỷ đồng (tương đương 58,97%), số vốn còn lại do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam 41,004% và các cổ đông là cá nhân, tương đương 0,026%.

Công tác bảo vệ, Quân sự:

▪ Công tác bảo vệ:

- Công tác bảo vệ TTATXH và tài sản của Công ty:

- Trong năm đã xảy ra 02 vụ về trật tự an toàn xã hội (01 vụ tai nạn giao thông, 01 vụ gây mất ANTT) ; 208 vụ xâm hại đến tài sản của Công ty, các vụ việc chủ yếu là trộm cắp mủ cao su. Bảo vệ các đơn vị thu hồi được 6.274 kg mủ cao su các loại và một số tài sản khác.



- Ngay từ đầu năm, Công ty xây dựng và thực hiện phương án phòng, chống cháy nổ năm 2019, tổ chức thực tập phương án sự cố hóa chất tại Xí nghiệp cơ khí chế biến; Ban chỉ đạo phòng chống cháy nổ công ty thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác phòng chống cháy nổ trên toàn công ty, tăng cường phòng ngừa trong mùa khô; trang bị các phương tiện dụng cụ phòng chống cháy và tổ chức ứng trực trên toàn công ty. Trong năm 2019 xảy ra 06 vụ cháy lô cao su tại các nông trường Bồ Túc và Tân Hiệp nhưng do làm tốt công tác phòng ngừa, phát hiện xử lý kịp thời không gây cháy lớn, không gây thiệt hại lớn về tài sản và tính mạng con người. Nguyên nhân là do đối tượng xấu đốt phá vườn cây.

- Trong năm Công ty được công an tỉnh Tây Ninh công nhận đơn vị đạt điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân phòng cháy và chữa cháy. Đồng thời Công ty được UBND tỉnh Tây Ninh khen thưởng là đơn vị có thành tích trong phong trào toàn dân PCCC năm 2019.

▪ Công tác Quân sự:

- Năm 2019 Ban CHQS Công ty tổ chức huấn luyện lực lượng tự vệ tham gia hội thao TDTD lực lượng vũ trang huyện, xây dựng các kế hoạch giáo dục chính trị, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ các ngày lễ tết bảo đảm tuyệt đối an toàn, sắp xếp luân phiên lực lượng theo đúng hướng dẫn của trên.

- Công ty cử cán bộ thuộc các đối tượng 3,4,5 tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đúng quy định.

- Trong năm 2019, Ban CHQS Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên xây dựng kế hoạch phối hợp với các ngành chức năng, địa phương nơi trú đóng tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, tài sản. Định kỳ hàng tháng tham gia họp giao ban, họp Cụm chiến đấu, Cụm Thi đua nhằm trao đổi thông tin về ANTT, bảo vệ tài sản, tăng cường tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ CNV, người lao động về đường lối chủ trương của Đảng trong xây dựng nền kinh tế quốc phòng toàn dân, thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự trong CBCNV, người lao động đồng thời tham gia củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức tự vệ, công nhân tự quản, tích cực đấu tranh phòng chống các loại tội phạm ...

Đánh giá kết luận:

Năm 2019 ngoài một số khó khăn nhất định như đã trình bày ở phần trên, nhìn chung các chỉ tiêu cơ bản về sản xuất kinh doanh năm 2019 Công ty đều thực hiện đạt, vượt mức kế hoạch đề ra. Đó là nhờ:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp Ủy Đảng, UBND các cấp, Lãnh đạo Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam và các Ban trực thuộc;

- Sự giúp đỡ tận tình của các cơ quan Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh Tây Ninh; sự phối hợp, hỗ trợ nhiệt tình và có hiệu quả của chính quyền và nhân dân các xã trên địa bàn Công ty trú đóng.

- Đời sống vật chất, tinh thần CB-CNV được cải thiện, thu nhập tiền lương và các chế độ chính sách cho người lao động được chú trọng nâng cao, đã động viên, khuyến khích mọi người hăng hái thi đua lao động sản xuất;

- Coi trọng việc đào tạo cán bộ quản lý ngang tầm với nhiệm vụ, không ngừng cải tiến lề lối làm việc và phong cách thái độ phục vụ khách hàng.

- Triệt để thực hành tiết kiệm. Chống các biểu hiện hình thức phô trương, lãng phí, luôn luôn đặt lợi ích của cổ đông, của người lao động được ưu tiên ở mọi giải pháp.

- Với những kết quả đạt được trong năm 2019, toàn thể CB-CNV Công ty cổ phần Cao su Tân Biên tiếp tục quyết tâm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

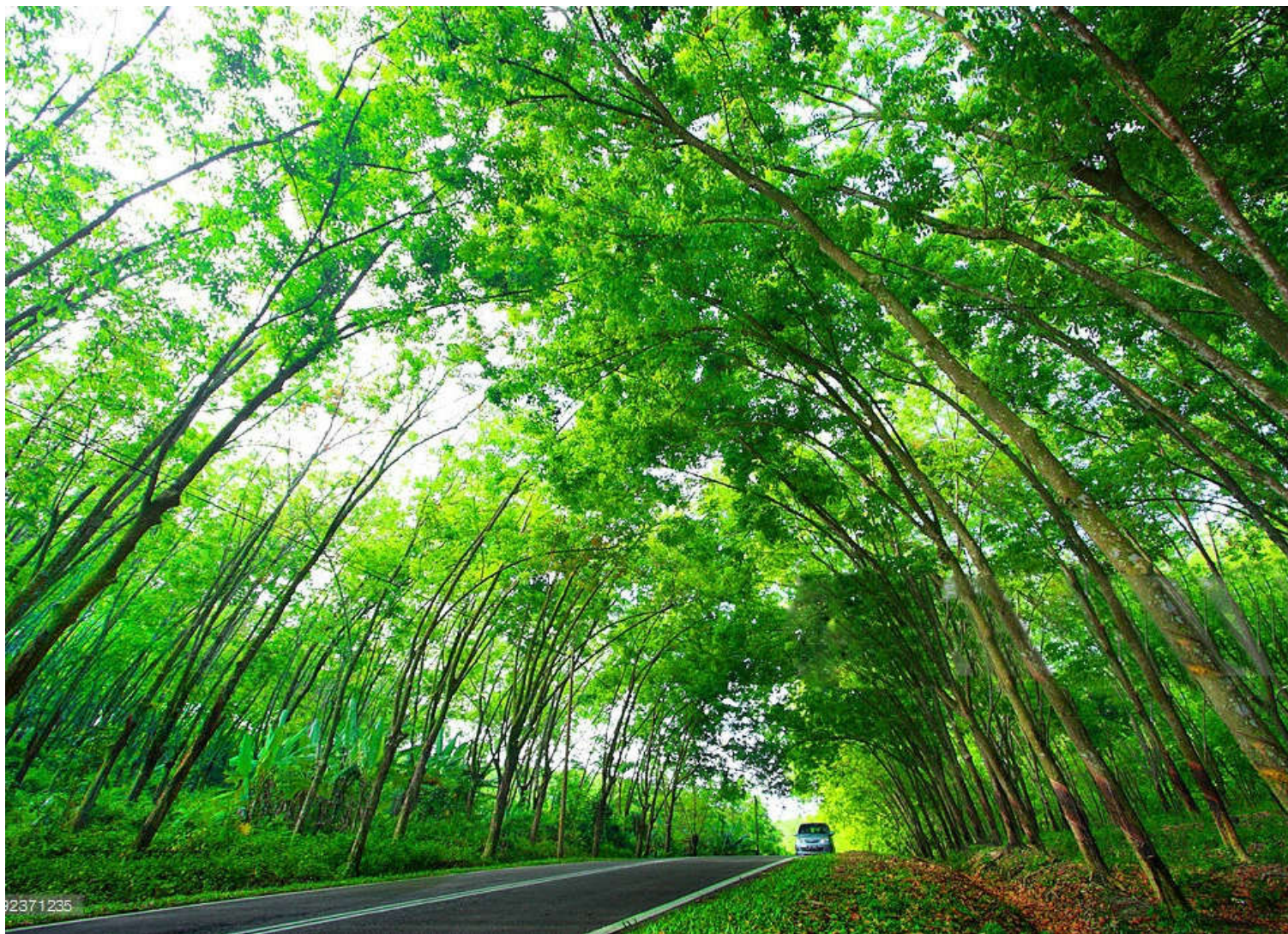


KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

a. Diện tích, sản lượng, năng suất khai thác:		
+Diện tích:		
-Diện tích Công ty tự khai thác	3.047,42	ha
-Diện tích nhượng quyền khai thác	0,00	ha
-Diện tích chăm sóc cây KTCB	2.597,27	ha
-Diện tích trồng mới tái canh	402,78	ha
+ Sản lượng thỏa thuận với Tập đoàn:	5.200	tấn
+ Năng suất:	1,71	tấn/ha
b. Sản lượng chế biến:	6.200	tấn
+ Mủ khai thác:	5.200	tấn
+ Mủ Thu mua:	1.000	tấn
+ Chế biến mủ gia công:		tấn
c. Sản lượng tiêu thụ (Khai thác+thu mua):	9.700	tấn
Trong đó : + Xuất khẩu:	3.700	tấn
- <i>Trực tiếp:</i>	3.700	tấn
- <i>Ủy thác:</i>		tấn
+ Nội tiêu:	6.000	tấn
d. Giá thành bình quân:	30,43	Triệu đồng/tấn
+ Mủ khai thác:	29,50	Triệu đồng/tấn
+ Mủ thu mua:	31,49	Triệu đồng/tấn
+ Hàng hóa cao su:	31,50	Triệu đồng/tấn
e. Giá bán bình quân:	31,50	Triệu đồng/tấn
+ Mủ khai thác:	31,50	Triệu đồng/tấn
+ Mủ thu mua:	31,50	Triệu đồng/tấn
+ Hàng hóa cao su:	31,50	Triệu đồng/tấn
f. Tổng doanh thu:	444.967	Triệu đồng
g. Tổng lợi nhuận trước thuế:	145.924	Triệu đồng
Trong đó: Lợi nhuận SXKD:	10.410	Triệu đồng
h. Các khoản phải nộp ngân sách:	40.844	Triệu đồng

IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
 - ❖ Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
 - ❖ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị
-



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.
- Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 trong bối cảnh Ngành Cao su Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức:
- Bệnh phấn trắng phát triển trên vườn cây kinh doanh với tỉ lệ bệnh 89,68%, chỉ số bệnh 49,07%. Vào đầu mùa khai thác mủ (tháng 5, 6) nắng hạn kéo dài, lượng mưa thấp nên vườn cây khai thác bị sụt giảm sản lượng do ẩm độ đất thấp. Đặc biệt, tại các nơi đất đồi, sỏi phún nhiều thì sản lượng sụt giảm vào 03 tháng cuối năm do lượng mưa ít.
- Năm 2019, vườn cây của Công ty đa số diện tích đang thời kỳ già cỗi, miệng cạo cao, cạo đến cành nhánh, suy giảm năng suất. Diện tích vườn cây nhóm 2 chiếm 60,51% (vườn cây nhóm II ở tuổi cạo >15 trở đi), nhóm 3 và tận thu chiếm 39,49%, nên ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện kế hoạch sản lượng năm 2019.
- Ngày 14/6/2019, Công ty tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 để thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Trong bối cảnh đó, dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của Ban tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực vượt bậc, quyết tâm cao độ của toàn thể người quản lý và người lao động, Công ty đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Năm 2019, Công ty đã thực hiện được các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Một số chỉ tiêu cơ bản Năm 2019

CHỈ TIÊU	DVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% KH
CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG				
Sản lượng khai thác	Tấn	6.300	5.830	92,54
Năng suất	Tấn/ha	1,84	1,70	92,54
Sản lượng chế biến	Tấn	7.800	7.029	90,12
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	10.800	11.854	109,76
Tồn kho cuối năm	Tấn	2.734	2.477	90,60
CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ				
Giá thành	Triệu đ/tấn	30,83	31,19	101,15
- Mủ khai thác	Triệu đ/tấn	30,00	30,23	100,76
- Mủ thu mua	Triệu đ/tấn	33,00	33,36	101,08
- Hàng hóa cao su	Triệu đ/tấn	31,50	31,79	100,91
Giá bán	Triệu đ/tấn	32,58	32,89	100,93
- Mủ khai thác	Triệu đ/tấn	33,00	32,93	99,78
- Mủ thu mua	Triệu đ/tấn	33,00	33,77	102,34
- Hàng hóa cao su	Triệu đ/tấn	31,50	32,41	102,88
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	507.122	578.889	114,15
Tổng LNTT	Tỷ đồng	170.224	212.723	124,97
Tỷ lệ cổ tức trên VĐL	%	10	10	100,00

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

- Chủ tịch HĐQT Công ty luôn giữ liên lạc thường xuyên với các thành viên HĐQT khác để thống nhất ý kiến chỉ đạo và có quyết định đúng đắn, kịp thời.
- Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo các Nghị quyết đã được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, báo cáo tình hình hoạt động của Công ty cho các thành viên HĐQT thường xuyên nhằm xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.
- Phân công nhiệm vụ rõ ràng cho Tổng Giám Đốc và định kỳ tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả triển khai các hoạt động được giao.

CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM

- Tiếp tục phát huy các thành quả đã đạt được, khắc phục tồn tại của năm 2019.
- Giữ vững và nâng cao uy tín thương hiệu. Quan tâm không ngừng mở rộng thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo xu hướng đa dạng hóa. Nâng dần tỷ trọng sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; nâng cấp phiên bản mới hệ thống quản lý phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn ISO/IEC 17025:2017; xây dựng và áp dụng hệ thống giải pháp và công cụ tinh gọn LEAN.
- Nâng cao vai trò quản lý của Cán bộ các cấp, tiếp tục cải tiến các định mức kinh tế kỹ thuật, sắp xếp, quản lý sản xuất hợp lý nhằm tiết giảm tối đa các chi phí nhằm giảm giá thành sản xuất thành phẩm ở mức tối ưu nhất có thể.
- Triệt để thực hành tất cả các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao vai trò của lực lượng Bảo vệ, phối hợp tốt với chính quyền địa phương để hạn chế các hiện tượng tiêu cực.
- Đổi mới quản lý. Thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng năng lực cán bộ các cấp nhằm đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới. Ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và sản xuất.
- Tăng cường công tác thu mua, gia công để bù đắp sản lượng giảm, đảm bảo công suất máy, và tăng thu nhập người lao động;
- Tăng cường đầu tư và hỗ trợ cho Công Ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.
- Tiếp tục tích cực chăm lo đến đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động

Sau đây là một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch năm 2020 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2020
CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG		
Sản lượng khai thác	Tấn	5.200
- Cao su tự khai thác	Tấn	5.200
- Cao su nhượng quyền khai thác	Tấn	0
Sản lượng chế biến	Tấn	6.200
- Mủ khai thác	Tấn	5.200
- Mủ thu mua	Tấn	1.000
- Mủ gia công	Tấn	0
Diện tích khai thác	Ha	3.047,42
- Diện tích tự khai thác	Ha	3.047,42
- Diện tích nhượng quyền khai thác	Ha	0
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	9.700
- Xuất khẩu	Tấn	3.700
- Nội tiêu	Tấn	6.000
CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ		
Giá thành	Triệu đồng/tấn	30,43
- Mủ khai thác	Triệu đồng/tấn	29,50
- Mủ thu mua	Triệu đồng/tấn	31,49
- Hàng hóa cao su	Triệu đồng/tấn	31,50
Giá bán	Triệu đồng/tấn	31,50
- Mủ khai thác	Triệu đồng/tấn	31,50
- Mủ thu mua	Triệu đồng/tấn	31,50
- Hàng hóa cao su	Triệu đồng/tấn	31,50
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	444.967
Tổng LN TT	Tỷ đồng	145.924



-
- ❖ Hội đồng quản trị
 - ❖ Ban Kiểm soát
 - ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát
 - ❖ Quan hệ cổ đông
-

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
01	Trương Minh Trung	Chủ tịch	Thành viên không điều hành (Miễn nhiệm từ ngày 14/6/2019)
02	Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch	Thành viên điều hành (Bổ nhiệm từ ngày 14/6/2019)
03	Trương Văn Cư	Thành viên	Thành viên điều hành
04	Đoàn Kim Chung	Thành viên	Thành viên điều hành
05	Lâm Thanh Phú	Thành viên	Thành viên không điều hành (Bổ nhiệm từ ngày 14/6/2019)
06	Dương Tấn Phong	Thành viên	Thành viên điều hành

Hoạt động của HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên; 4 phiên họp thường kỳ để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự mở rộng tham dự họp của Ban Kiểm soát, chủ tịch Công đoàn, Ban Điều hành và Trưởng phòng nghiệp vụ của Công ty.

Ngoài các phiên họp định kỳ (hàng quý), HĐQT cũng đã tổ chức 81 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh, số buổi tham dự họp của các thành viên trong năm 2019 như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Trương Minh Trung	Chủ tịch	1/10	10%	Miễn nhiệm từ ngày 15/6/2019
2	Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch	10/10	100%	Bổ nhiệm từ ngày 15/6/2019
3	Trương Văn Cư	Thành viên	10/10	100%	
4	Đoàn Kim Chung	Thành viên	10/10	100%	
5	Lâm Thanh Phú	Thành viên	8/10	80%	Bổ nhiệm từ ngày 15/6/2019
6	Dương Tấn Phong	Thành viên	10/10	100%	

Các Nghị quyết, Quyết định đã thông qua trong năm 2019

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	THỜI GIAN	NỘI DUNG CHÍNH
01	14/01/2019	03/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v chủ trương mua cổ phiếu riêng lẻ do Công ty CP CS Tân Biên - KampongThom phát hành
02	21/01/2019	06/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v thông qua kết quả bình xét thi đua và phương án thưởng năm 2018
03	24/01/2019	10/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v phương án trả lương tạm tính năm 2018
04	13/02/2019	13/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v chủ trương khởi kiện vụ tranh chấp hợp đồng giao khoán đất yêu cầu trả lại đất đối với vợ chồng ông Phan Xuân Mai, bà Huỳnh Thị Thanh Xuân
05	26/03/2019	47/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v giải thể các đội sản xuất, thành lập các tổ sản xuất tại Nông trường cao su Xa Mát trực thuộc Công ty CP cao su Tân Biên
06	26/03/2019	48/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết họp HĐQT Công ty CP CS Tân Biên Quý I/2019
07	22/04/2019	64/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v chuyển Tổ thu mua mủ cao su nguyên liệu thuộc phòng XNK sang phòng QLCL
08	07/05/2019	72/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v thay đổi thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
09	14/06/2019	102/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v kết quả trúng cử chức vụ CT.HĐQT Cty CP cao su Tân Biên NK 2016-2021
10	17/06/2019	106/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về việc họp Hội đồng quản trị Công ty CP cao su Tân Biên ngày 17/6/2019
11	13/08/2019	129/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v họp HĐQT quý II/2019
12	19/08/2019	137/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v công tác cán bộ
13	24/09/2019	181/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v chủ trương ký kết hợp đồng mua bán tài sản thanh lý với Công ty CP cao su TB-KPT
14	04/11/2019	194/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v họp Hội đồng quản trị Công ty CP cao su Tân Biên quý III/2019
15	26/11/2019	205/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v phê duyệt chi tạm ứng cổ tức năm 2019 và chủ trương ký kết Hợp đồng dài hạn, Hợp đồng nguyên tắc mua mủ cao su thành phẩm

16	11/03/2019	35/QĐ- HDQTCSTB	Quyết định v/v ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP cao su Tân Biên
17	09/04/2019	59/QĐ- HDQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt quy chế thực hiện dân chủ tại Cty CP CS Tân Biên
18	26/08/2019	143/QĐ- HDQTCSTB	Quyết định v/v ban hành quy chế khoa học và công nghệ (sửa đổi , bổ sung)
19	27/09/2019	183/QĐ- HDQTCSTB	Quyết định v/v ban hành quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn (sửa đổi, bổ sung) đối với người lao động tại Cty CP cao su Tân Biên
20	21/10/2019	192a/QĐ- HDQTCSTB	Quyết định v/v ban hành quy chế chính sách quản trị rủi ro
21	07/11/2019	195/QĐ- HDQTCSTB	Quyết định v/v ban hành Quy chế thi đua khen thưởng (sửa đổi, bổ sung) tại Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có

- Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT đã có gắng hoàn thành tốt chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông và của Công ty.
- Kết hợp với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi, quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và vì sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cũng như Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Vì vậy, mặc dù là năm đầu tiên thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, còn gặp nhiều khó khăn, nhưng các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần đầu cơ bản đã được hoàn thành, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định của Công ty trong những năm tiếp theo.

Danh sách các Tv.HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Tất cả Thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
01	Trương Minh Trung	Chủ tịch	Thành viên không điều hành (Miễn nhiệm từ ngày 14/6/2019)
02	Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch	Thành viên điều hành (Bổ nhiệm từ ngày 14/6/2019)
03	Trương Văn Cư	Thành viên	Thành viên điều hành
04	Đoàn Kim Chung	Thành viên	Thành viên điều hành
05	Lâm Thanh Phú	Thành viên	Thành viên không điều hành (Bổ nhiệm từ ngày 14/6/2019)
06	Dương Tấn Phong	Thành viên	Thành viên điều hành



BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban kiểm soát có 3 thành viên, Trưởng Ban làm việc theo chế độ chuyên trách, 02 thành viên còn lại làm việc theo chế độ bán chuyên trách. Ban Kiểm soát cử 02 thành viên; trong đó: 01 thành viên tham gia Tổ chuyên gia xét thầu và 01 thành viên tham gia Tổ kiểm tra nội bộ.
- Đại diện Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và đóng góp ý kiến với HĐQT – Ban Tổng giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban tổng giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019.
- Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2019 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty.
- Xem xét việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc điều hành.

Kết quả giám sát hoạt động và tài chính của công ty

Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019:

Công ty Cổ phần cao su Tân Biên triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019, trong bối cảnh Ngành cao su nói chung và Công ty nói riêng tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn: do giá bán mủ cao su chưa được thuận lợi vẫn còn ở mức thấp, giá bán sụt giảm làm ảnh hưởng đến tiêu thụ sản phẩm và giảm doanh thu. Ngoài ra, sự biến đổi khí hậu bất thường trong năm, sự biến động về lao động làm công việc khai thác mủ và nạn trộm cắp mủ mặc dù có giảm nhưng vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi ... cũng là những yếu tố làm ảnh hưởng đến sản lượng cao su khai thác.

Do đã nhận định, dự báo trước tình hình khó khăn của năm 2019, nên ngay từ đầu năm, Công ty đã chủ động đề ra các định hướng, giải pháp phù hợp trong điều hành, quản lý nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh có lợi nhuận, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Ban Kiểm soát Công ty xác nhận báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty CP Cao su Tân Biên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, kết quả một số chỉ tiêu chính như sau:

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	So sánh
1	Tài sản ngắn hạn		428.198	
2	Tài sản dài hạn		1.013.650	
	Tổng tài sản		1.441.848	
3	Nợ phải trả		212.280	
4	Vốn chủ sở hữu		1.229.568	
	Tổng nguồn vốn		1.441.848	
5	Doanh thu	507.122	578.889	114,15%
6	Chi phí	336.898	366.166	108,69%
7	Lợi nhuận trước thuế	170.224	212.723	124,97%
8	Lợi nhuận sau thuế	136.180	172.412	126,61%
9	Sản lượng khai thác (tấn quy khô)	6.300	5.830	92,54%
10	Sản lượng chế biến (tấn quy khô)	7.800	7.029	90,12%
11	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	10.800	11.854	109,76%
12	Giá bán bình quân (ngàn đồng/tấn)	32,58	33,70	103,43%

Các chỉ số đánh giá an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh năm 2019:

Các chỉ số đánh giá hiệu quả theo Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2019	Mức đạt theo BCTC HN năm 2019
Tỷ số thanh toán nhanh	1,870 lần
Tỷ số thanh toán nợ đến hạn	2,467 lần
Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	33,57%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	14,77%
Hệ số bảo toàn vốn	1 lần

Qua các chỉ tiêu đánh giá trên cho thấy Công ty CP Cao su Tân Biên có hệ số thanh toán các khoản nợ đến hạn cao, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và vốn cao so với mặt bằng chung của ngành cao su và quan trọng hơn hết là vốn của chủ sở hữu được bảo toàn.

Năm 2019, Công ty đã tiến hành trích lập các Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, chia cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và tạm ứng cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết HĐQT, như sau:

- Trích Quỹ Đầu tư phát triển: 64,639 tỷ đồng.
- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 14,780 tỷ đồng.
- Trích thưởng Ban quản lý điều hành: 0,130 tỷ đồng.
- Chia cổ tức năm năm 2019 bằng 12% mệnh giá: 105,534 tỷ đồng. (Đã bao gồm 10% tạm ứng trong năm 2019)
- Tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng 10% mệnh giá: 87,945 tỷ đồng.

Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm theo đúng quy định Điều lệ tổ chức. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty trong năm.

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Công tác đầu tư:

Đầu tư XDCB năm 2019 của Công ty:

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản luôn được Công ty đặc biệt quan tâm nhất là các công trình trọng điểm phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Do tiết giảm đầu tư nên Công ty chỉ thực hiện công trình thực sự cần thiết như: 01 Máy bơm chìm giếng khoan 11KW, 01 Máy bơm màng đôi dẫn động bằng khí nén Marathon và 01 xe quản lý (loại 7 chỗ, hiệu Chevrolet TRAILBLAZER). Thực hiện đúng quy định về Luật đấu thầu và quy chế mua sắm hàng hoá của Công ty.

Đầu tư tài chính ra bên ngoài:

Công ty tiến hành mua Cổ phiếu riêng lẻ do Công ty CP Cao su Tân Biên - Kampong Thom phát hành tổng số tiền 154,677 tỷ đồng (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu), đạt tỷ lệ 100% kế hoạch.

Về tiền lương:

Với việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2019, Công ty đã được Quyết toán quỹ tiền lương năm 2019 với số tiền là 109.891 triệu đồng và lương bình quân CBCNV năm 2019 là 6,191 triệu đồng/người/tháng.



Công ty đã phân phối quỹ lương một cách hợp lý, đúng chế độ và theo đúng quy chế của công ty đã ban hành.

Kiểm soát công nợ:

Quá trình kiểm soát chúng tôi nhận thấy rằng: Công ty đã thực hiện tốt việc quản lý công nợ đối với khách hàng, thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ, đơn đốc thu hồi công nợ kịp thời. Đối với khoản công nợ khó đòi của Công ty TNHH Nguyễn Đức, Công ty

EKSAMBATH, Công ty đã trích lập dự phòng theo đúng quy định (số tiền là 918 triệu đồng).

Các công tác khác của Ban kiểm soát:

- Kiểm tra tình hình thực hiện công tác đầu tư XD CB, tiền lương, ... tại Công ty;
- Kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng vốn của Ban quản lý điều hành Công ty;
- Thường xuyên quan tâm theo dõi tình hình hoạt động của các dự án đầu tư tài chính của Công ty.

Nhận xét đánh giá:

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã tuân thủ các quy định của Điều lệ công ty và các quy chế trong chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh.
- Ban Tổng giám đốc đã điều hành công ty trên tinh thần đoàn kết nhất trí và trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của công ty và của cổ đông. Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.
- Ban Tổng giám đốc cùng đội ngũ cán bộ quản lý đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động SXKD của Công ty và đã hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng như : Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận...

Phương hướng nhiệm vụ năm 2020:

- Căn cứ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên; Ban Kiểm soát xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác trong năm 2020 như sau:
- Giám sát thường xuyên việc ban hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Nội quy, Quy chế của Hội đồng quản trị Công ty. Giám sát tình hình đầu tư tài chính vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.
- Thẩm định Báo cáo tài chính Quý, Bán niên của năm 2020 (bao gồm báo cáo riêng và Hợp nhất) trong từng kỳ và giám sát việc công bố thông tin cho Ủy ban chứng khoán theo quy định.
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát đột xuất khi có yêu cầu của Công ty, Tập đoàn và những lĩnh vực mà Ban Kiểm soát Công ty nhận thấy cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát và Kế toán trưởng năm 2019

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao	Thưởng và chi khác	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
1	Hội đồng quản trị					
	Trương Minh Trung		59.628.000	6.700.000		
	Lê Thị Bích Lợi	263.604.000		42.074.000		
	Trương Văn Cư	282.219.200		46.374.000		
	Đoàn Kim Chung	262.493.348		41.774.000		
	Lâm Thanh Phú					
	Dương Tấn Phong	192.182.594	28.567.500	29.174.000		
	Đỗ Thành Nghiệp		24.172.500	2.300.000		
2	Ban kiểm soát					
	Nguyễn Văn Sang	243.252.000		37.690.000		Không có phát sinh
	Hoàng Quốc Hưng		55.032.000	5.000.000		
	Trần Nguyễn Duy Sinh		55.032.000	5.000.000		
3	Ban điều hành					
	Trương Văn Cư	Như trên	Như trên	Như trên		
	Đoàn Kim Chung	Như trên	Như trên	Như trên		
	Dương Tấn Phong	Như trên	Như trên	Như trên		
	Trần Văn Toàn	61.054.545	0	0		
4	Kế toán trưởng					
	Lâm Thanh Phú	167.415.636		39.074.000		
	Lâm Quang Phúc	58.036.364		2.000.000		

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên trong năm 2019):

S T T	Tên tổ chức /Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (Nếu có)	Số CMND /ĐKKD	Nơi cấp CMND /ĐKKD	Mối liên hệ với thành viên chủ chốt	Số cổ phiếu giao dịch	Tỷ lệ (%)
	Không phát sinh						

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Tên gọi	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (Triệu đồng)
Công ty CP Chế biến - XNK Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được	1.080
		Bán cây cao su thanh lý	9.361
		Tiền phạt vi phạm hợp đồng mua cây thanh lý	103
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom (TKR)	Công ty con	Mua cổ phiếu riêng lẻ	154.677
		Mua Mủ cao su thành phẩm	65.292
		Bán tài sản thanh lý	594
Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên – Kampong Thom	Công ty con gián tiếp	Thanh toán và mua Mủ cao su	53.244
Caoutchouc Mekong Co., Ltd	Công ty con gián tiếp	Thanh toán và mua Mủ cao su	23.536
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng	16.497
		Chia cổ tức	103.909
		Mua vật tư hàng hóa	50
Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng trị	Ông Đoàn Kim Chung làm thành viên HĐQT	Tiền cổ tức nhận được	1.010

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Nhìn chung trong năm 2019 vừa qua, HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác quản trị công ty. Thường xuyên phản ứng kịp thời và đầy đủ trước các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Hoạt động công bố thông tin và tương tác với cổ đông là vô cùng cần thiết. Vì vậy, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty luôn theo sát và duy trì mối quan hệ với các cổ đông. Duy trì một kênh thông tin tương tác giữa RTB và cổ đông là một nhiệm vụ được công ty chú trọng trong các năm qua. Công ty thường xuyên cập nhật các thông tin quan trọng và liên quan đến hoạt động của công ty quý nhà đầu tư có thể theo dõi chi tiết tại:

<http://www.tabiruco.vn/quan-he-co-dong/>

RTB luôn cố gắng đổi mới và thúc đẩy kênh đối thoại với các cổ đông thông qua Bộ phận công bố thông tin nhằm tiếp sức cho Ban điều hành trong công tác điều hành và quản trị công ty.



CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN





Tây Ninh ngày 10 tháng 4 năm 2020
Xác nhận của người đại diện trước pháp luật
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN



Trương Văn Cư

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KIỂM TOÁN 2019



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 10 tháng 02 năm 2020, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2020

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

Lê Kim Yến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0550-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		428.198.343.057	569.804.964.838
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	156.715.476.040	355.092.309.404
111	1. Tiền		37.520.446.122	248.960.314.393
112	2. Các khoản tương đương tiền		119.195.029.918	106.131.995.011
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	128.621.835.616	31.197.708.333
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		128.621.835.616	31.197.708.333
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		45.145.978.064	88.147.293.102
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	17.074.056.584	14.109.251.897
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	23.370.528.861	69.618.441.196
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	5.619.056.813	5.337.264.203
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(917.664.194)	(917.664.194)
140	IV. Hàng tồn kho	09	91.358.935.633	87.885.154.385
141	1. Hàng tồn kho		92.067.799.850	91.993.596.570
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(708.864.217)	(4.108.442.185)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.356.117.704	7.482.499.614
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	180.803.951	170.056.262
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	6.175.313.753	7.312.443.352
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.013.649.850.690	841.094.981.398
220	II. Tài sản cố định		43.281.997.435	54.056.502.533
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	43.281.997.435	54.056.502.533
222	- Nguyên giá		304.950.509.605	315.530.495.384
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(261.668.512.170)	(261.473.992.851)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		345.068.540	345.068.540
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(345.068.540)	(345.068.540)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		108.455.754.395	87.498.272.629
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	108.455.754.395	87.498.272.629
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	856.255.156.849	692.787.474.097
251	1. Đầu tư vào công ty con		795.041.141.348	640.364.141.348
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		16.091.369.631	16.091.369.631
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		45.904.576.742	45.904.576.742
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(781.930.872)	(9.572.613.624)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.656.942.011	6.752.732.139
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	5.656.942.011	6.752.732.139
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.441.848.193.747	1.410.899.946.236

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		212.280.328.163	233.029.511.545
310	I. Nợ ngắn hạn		167.174.949.832	206.579.899.688
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	802.780.835	922.579.819
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	6.453.068.814	30.757.492.466
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.050.690.589	820.219.754
314	4. Phải trả người lao động		51.408.444.327	55.180.055.524
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.263.908.275	1.404.689.135
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	90.730.858.107	96.442.581.970
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	1.085.343.526	1.338.897.481
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		11.379.855.359	19.713.383.539
330	II. Nợ dài hạn		45.105.378.331	26.449.611.857
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	34.158.410.768	15.502.644.294
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.946.967.563	10.946.967.563
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.229.567.865.584	1.177.870.434.691
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.229.567.865.584	1.177.870.434.691
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		879.450.000.000	879.450.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		149.264.223.455	84.624.956.829
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		200.853.642.129	213.795.477.862
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		116.656.428.041	86.276.255.777
421b	LNST chưa phân phối năm nay		84.197.214.088	127.519.222.085
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.441.848.193.747	1.410.899.946.236







Trần Lý Đệ
Người lập

Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng

Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc
Tây Ninh, ngày 10 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	390.568.916.631	440.644.734.946
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		390.568.916.631	440.644.734.946
11	4. Giá vốn hàng bán	23	342.141.952.098	380.107.623.150
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.426.964.533	60.537.111.796
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	14.122.769.698	12.787.967.733
22	7. Chi phí tài chính	25	(8.300.083.107)	9.717.758.333
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		183.949.394	285.535.240
25	8. Chi phí bán hàng	26	4.856.922.935	5.490.449.524
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	23.479.170.151	21.706.216.375
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		42.513.724.252	36.410.655.297
31	11. Thu nhập khác	28	174.198.038.588	237.521.434.626
32	12. Chi phí khác	29	3.738.888.515	5.761.056.678
40	13. Lợi nhuận khác		170.459.150.073	231.760.377.948
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		212.972.874.325	268.171.033.245
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	40.830.660.237	52.706.811.160
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>172.142.214.088</u>	<u>215.464.222.085</u>

Trần Lý Đệ
Người lập

Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 10 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		402.193.599.969	455.152.737.630
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(192.707.031.388)	(245.528.480.979)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(100.511.289.442)	(122.448.964.255)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(160.088.592)	(284.416.226)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(36.693.924.553)	(44.857.101.595)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		18.661.662.597	62.486.642.317
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(95.810.128.334)	(108.628.586.147)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.027.199.743)	(4.108.169.255)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(13.241.643.102)	(20.627.802.639)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		146.879.263.625	224.846.161.633
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(110.424.127.283)	(17.197.708.333)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		13.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(154.677.000.000)	(1.867.477.635)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.156.772.027	11.524.224.892
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(106.306.734.733)	196.677.397.918
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		19.759.000.000	1.478.162.057
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.356.787.481)	(1.504.461.091)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(105.380.251.000)	(62.801.872.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(86.978.038.481)	(62.828.171.534)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(198.311.972.957)	129.741.057.129
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		355.092.309.404	225.532.495.010
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(64.860.407)	(181.242.735)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	156.715.476.040	355.092.309.404



Trần Lý Đệ
Người lập

Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng

Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 10 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN 2019



Số: 200320.005/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 01 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Lê Kim Yến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0550-2018-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Lê Phụng Hiểu, Hanoi, Vietnam A member of International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		591.634.318.891	617.071.994.899
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	240.330.739.843	378.376.762.071
111	1. Tiền		101.135.709.925	272.244.767.060
112	2. Các khoản tương đương tiền		139.195.029.918	106.131.995.011
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	128.621.835.616	31.197.708.333
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		128.621.835.616	31.197.708.333
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		31.423.494.304	34.929.206.853
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	17.494.256.984	18.828.589.928
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	5.039.263.752	6.039.076.087
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	08	14.200.795.155	16.245.068.985
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.310.821.587)	(6.183.528.147)
140	IV. Hàng tồn kho	10	143.048.402.862	130.527.344.139
141	1. Hàng tồn kho		144.700.894.820	133.827.533.667
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.652.491.958)	(3.300.189.528)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		48.209.846.266	42.040.973.503
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	199.575.854	206.835.683
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		41.791.007.516	34.177.801.111
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	6.219.262.896	7.656.336.709
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.256.515.132.991	2.245.071.397.996
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.443.272.200	-
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	07	3.443.272.200	-
220	II. Tài sản cố định		1.377.469.120.430	1.153.071.018.209
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.375.998.295.619	1.151.556.050.730
222	- Nguyên giá		1.902.319.578.308	1.624.198.626.413
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(526.321.282.689)	(472.642.575.683)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.470.824.811	1.514.967.479
228	- Nguyên giá		2.927.018.239	2.758.388.905
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.456.193.428)	(1.243.421.426)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		774.499.346.946	995.632.184.778
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	774.499.346.946	995.632.184.778
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	67.920.079.543	59.114.021.007
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		22.797.433.673	22.782.057.889
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		45.904.576.742	45.904.576.742
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(781.930.872)	(9.572.613.624)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		33.183.313.872	37.254.174.002
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	27.466.941.504	31.517.854.857
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.a	5.716.372.368	5.736.319.145
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.848.149.451.882	2.862.143.392.895

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	539.964.442.078	553.295.045.322
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		539.964.442.078	553.295.045.322
11	4. Giá vốn hàng bán	25	427.808.282.864	449.509.700.373
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.156.159.214	103.785.344.949
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	21.294.689.190	29.492.080.288
22	7. Chi phí tài chính	27	38.165.282.641	52.801.966.097
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		33.617.925.269	27.411.553.659
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		15.375.784	711.834.569
25	9. Chi phí bán hàng	28	24.914.399.586	19.975.596.887
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	50.488.817.517	46.901.891.400
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.897.724.444	14.309.805.422
31	12. Thu nhập khác	30	174.236.810.537	237.526.160.880
32	13. Chi phí khác	31	6.558.453.399	5.761.158.476
40	14. Lợi nhuận khác		167.678.357.138	231.765.002.404
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		187.576.081.582	246.074.807.826
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	40.973.617.171	52.803.441.433
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.c	(555.971.951)	1.007.506.822
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		147.158.436.362	192.263.859.571
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		156.501.138.604	205.116.849.286
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(9.342.702.242)	(12.852.989.715)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.780	2.332
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		1.673	2.186

2832
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CAO SU
TÂN BIÊN
H. TÂN CHÂU - T. TÂY NINH

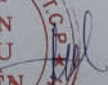


Trần Lý Đệ
Người lập



Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng





Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc
Tây Ninh, ngày 01 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	539.964.442.078	553.295.045.322
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		539.964.442.078	553.295.045.322
11	4. Giá vốn hàng bán	25	427.808.282.864	449.509.700.373
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.156.159.214	103.785.344.949
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	21.294.689.190	29.492.080.288
22	7. Chi phí tài chính	27	38.165.282.641	52.801.966.097
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		33.617.925.269	27.411.553.659
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		15.375.784	711.834.569
25	9. Chi phí bán hàng	28	24.914.399.586	19.975.596.887
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	50.488.817.517	46.901.891.400
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.897.724.444	14.309.805.422
31	12. Thu nhập khác	30	174.236.810.537	237.526.160.880
32	13. Chi phí khác	31	6.558.453.399	5.761.158.476
40	14. Lợi nhuận khác		167.678.357.138	231.765.002.404
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		187.576.081.582	246.074.807.826
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	40.973.617.171	52.803.441.433
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.c	(555.971.951)	1.007.506.822
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		147.158.436.362	192.263.859.571
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		156.501.138.604	205.116.849.286
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(9.342.702.242)	(12.852.989.715)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.780	2.332
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		1.673	2.186

Trần Lý Đệ
Người lập

Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 01 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN
Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		378.376.762.071	251.645.990.184
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		169.512.388	(208.004.844)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>240.330.739.843</u>	<u>378.376.762.071</u>

Trần Lý Đệ
Người lập

Lâm Quang Phúc
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc
Tây Ninh, ngày 01 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Trụ sở : Tổ 2 - Thạnh Phú – Tân Hiệp – Tân Châu - Tây Ninh

Điện thoại: 0276. 3875193 – 3875266

Fax: 0276. 3875307

Email: tabiruco@tabiruco.vn

Website: www.tabiruco.vn

